

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4119~~ ⁴¹¹⁹ BTC-QLBH
V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 67/2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

HOÀ-TỐC →

Kính gửi:

Ngày 10/12/2025, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 139/2025/QH15 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, trong đó có Luật số 139/2025/QH15. Hiện nay, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP. Để hướng dẫn Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2023/NĐ-CP và Luật số 139/2025/QH15, Bộ Tài chính dự kiến xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 (dự thảo Thông tư).

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính đã chuẩn bị hồ sơ dự thảo Thông tư, bao gồm: (i) Dự thảo Tờ trình; (ii) Dự thảo Thông tư; (iii) Bản so sánh dự thảo Thông tư với Thông tư số 67/2023/TT-BTC (tài liệu gửi kèm).

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính đề nghị các đơn vị cho ý kiến về việc hồ sơ dự thảo Thông tư và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 08/04/2026 để tổng hợp, báo cáo.

Cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Các đơn vị trong Bộ (để lấy ý kiến);
- Lưu: VT, QLBH (10 b).

[Handwritten signature]

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
[Handwritten signature]
Lê Tấn Cận



Danh sách các đơn vị nhận công văn góp ý về Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC

- Bộ Quốc phòng
- Bộ Công an
- Bộ Ngoại giao
- Bộ Nội vụ
- Bộ Tư pháp
- Bộ Tài chính
- Bộ Công Thương
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Bộ Xây dựng
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Bộ Khoa học và Công nghệ
- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Bộ Y tế
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Thanh tra Chính phủ
- Văn phòng Chính phủ
- VCCI
- Mặt trận tổ quốc
- Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam
- Doanh nghiệp bảo hiểm

Số: /TT-QLBH

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO ĐĂNG WEB

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Kính gửi: Lãnh đạo Bộ Tài chính

Ngày 10/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (Luật số 139/2025/QH15) và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Hiện nay, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết Luật số 139/2025/QH15. Trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm đã xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm (QLBH) kính trình Lãnh đạo Bộ dự thảo Thông tư như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị

- Mục IV Kết luận 155/KL-TW ngày 17/5/2025 Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến 30/6/2025 giao nhiệm vụ trọng tâm: “Rà soát chương trình xây dựng pháp luật để tiến hành sửa đổi, bổ sung các quy định, pháp luật có liên quan trong năm 2025.”

- Điểm 2.1 Mục III Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách: “Khẩn trương nâng hạng, tái cơ cấu thị trường chứng khoán, phát triển thị trường bảo hiểm; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị”.

- Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 10/6/2025 chỉ đạo rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật giao nhiệm vụ: “*Tiếp tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật tháo gỡ trong cả năm 2025*”.

- Thông báo số 05-TB/BCĐTW ngày 11/6/2025 về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo giao nhiệm vụ: “*Việc triển khai cần tập trung vào trọng tâm, trọng điểm các nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 66-NQ/TW; ưu tiên giải quyết vấn đề cấp bách, đặc biệt là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thành công mục tiêu “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật” để qua đó công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật phải mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước*”.

2. Cơ sở pháp lý và căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn

- Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15:

+ Khoản 1 Điều 8: “*1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó...*”.

+ Điểm Khoản 1 Điều 18: “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;*”.

+ Điểm b khoản 1 Điều 50: “*1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:...b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;*”.

+ Điểm d khoản 2 Điều 50: “*d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành;*”.

+ Điều 53 về thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật:

“*1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.*”

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.”.

- Ngày 10/12/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm tại kỳ họp thứ 10 (Luật số 139/2025/QH15) và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Trong đó, khoản 1, khoản 7 và khoản 8 Điều 1 Luật số 139/2025/QH15 đã cho phép doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe kinh doanh bảo hiểm từ kỳ có thời hạn 01 năm trở xuống và đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chỉ cần thông báo cho Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm xe cơ giới, nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm. Đồng thời, Luật số 139/2025/QH15 cũng giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các nội dung này.

- Ngày 6/3/2026, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 132/TTr-BTC trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP, dự kiến ban hành trong Quý I/2026. Trong đó, dự thảo Nghị định cũng có giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu của tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, quy định hạn mức một số chi phí của doanh nghiệp; cho phép sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, hưu trí có thể bao gồm quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn; bổ sung đầu mục chi hỗ trợ, chi thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, hợp tác xã được ủy quyền phân phối bảo hiểm vi mô theo quy định của Bộ Tài chính. Dự thảo Nghị định dự kiến có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Theo quy định tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thời điểm có hiệu lực của Thông tư do Bộ Tài chính ký ban hành không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Trường hợp xây dựng, ban hành dự thảo Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có hiệu lực ngay từ ngày ký ban hành. Do đó, trường hợp dự thảo Thông tư không được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể dẫn đến khoảng trống pháp lý khi Luật số 139/2025/QH15 và dự thảo Nghị định có hiệu lực, gây khó khăn trong cho các chủ thể áp dụng pháp luật.

3. Cơ sở thực tiễn

Thị trường bảo hiểm hiện có 86 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (trong đó có 32 doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) phi nhân thọ, 20 DNBH nhân thọ, 03 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 31 DNMGBH) và 01 chi nhánh DNBH phi

nhân thọ nước ngoài. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm cụ thể như sau:

- Tổng tài sản ước đạt 1.113.619 tỷ đồng (tăng 8,58% so với năm 2024), trong đó các DNBH phi nhân thọ ước đạt 160.033 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ ước đạt 953.586 tỷ đồng.

- Đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 958.987 tỷ đồng (tăng 10,31% so với năm 2024), trong đó các DNBH phi nhân thọ ước đạt 93.131 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ ước đạt 865.856 tỷ đồng.

- Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm ước đạt 727.366 tỷ đồng (tăng 8,77% so với năm 2024), trong đó, các DNBH phi nhân thọ ước đạt 38.385 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ ước đạt 688.981 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 221.427 tỷ đồng (tăng 3,77% so với năm 2024), trong đó các DNBH phi nhân thọ ước đạt 45.302 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ ước đạt 176.125 tỷ đồng.

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 237.211 tỷ đồng (tăng 3,96% so với năm 2024), trong đó các DNBH phi nhân thọ ước đạt 88.425 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ ước đạt 148.786 tỷ đồng.

- Chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 91.845 tỷ đồng (tăng 13,52% so với năm 2024), trong đó các DNBH phi nhân thọ ước đạt 26.453 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ ước đạt 65.392 tỷ đồng.

- Tổng số phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới ước đạt 20.346 tỷ đồng (tăng 2,37% so với cùng kỳ năm trước), trong đó, phí bảo hiểm thu xếp gốc ước đạt 11.612 tỷ đồng, phí tái bảo hiểm thu xếp ước đạt 8.735 tỷ.

- Hoa hồng môi giới bảo hiểm năm 2025 ước đạt 1.332 tỷ đồng (tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước), trong đó hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc ước đạt 1.035 tỷ đồng, hoa hồng môi giới tái bảo hiểm ước đạt 297 tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cũng cần hoàn thiện để phù hợp với chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân cũng như yêu cầu thực tế về đồng bộ với các văn bản pháp luật khác có liên quan như:

- Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm như Luật An ninh mạng, Luật Căn cước,... trong thời gian qua đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Do vậy, một số quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC đã không còn thống nhất, đồng bộ với quy định mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại các văn bản pháp luật nêu trên.

Ngoài ra, thực tiễn trong 2 năm qua, theo phản ánh của doanh nghiệp, cũng có một số khó khăn, điểm nghẽn cần tháo gỡ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoạt động thông thoáng hơn, cụ thể như:

- Việc quy định cứng quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm cả quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn là không cần thiết, có thể làm tăng phí bảo hiểm cho người tham gia bảo hiểm;

- Các xe cơ giới thân thiện môi trường và xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường đang trở nên phổ biến tại Việt Nam trong 3 năm trở lại đây nên chưa có đủ đầy đủ cơ sở dữ liệu thống kê bảo đảm tính quy mô và liên tục theo chuỗi thời gian tối thiểu trong 5 năm liên tiếp;

- Hoa hồng bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư và bảo hiểm hưu trí chưa quy định rõ đối với phí cơ bản và phí đóng thêm dẫn tới lúng túng trong việc áp dụng định mức chi hoa hồng của các doanh nghiệp;

- Việc xác định cơ sở tính phí bảo hiểm thuần đối với bảo hiểm xe cơ giới hiện không cần được Bộ Tài chính chấp thuận nên doanh nghiệp bảo hiểm có thể cạnh tranh không lành mạnh theo hướng thay đổi liên tục phí bảo hiểm thuần và có thể làm tăng phí bảo hiểm cho người tham gia bảo hiểm;...

- Việc triển khai bảo hiểm vi mô qua nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị- xã hội, xã hội- nghề nghiệp, hợp tác xã gặp khó khăn do không có quy định, hướng dẫn cụ thể khoản chi cho đối tượng này.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, để tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, bảo đảm sự phù hợp với đường lối, chủ trương mới của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với định hướng phát triển, nhu cầu thực tiễn thị trường, cần thiết phải ban hành dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm theo trình tự, thủ tục rút gọn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích xây dựng Dự thảo Thông tư

Việc xây dựng dự thảo Thông tư nhằm:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển thông qua việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cấp thiết, điểm nghẽn cho doanh nghiệp.

- Quy định chi tiết các nội dung mới được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 139/2025/QH15 và các nội dung tương ứng tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP, đảm bảo tính thống nhất,

đồng bộ trong hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật khác có liên quan.

- Dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp và chỉ sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết, đảm bảo minh bạch, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng áp dụng và bảo đảm cải cách thủ tục hành chính.

2. Quan điểm xây dựng Dự thảo Thông tư

- Thể chế hóa đầy đủ và đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát triển kinh tế tư nhân, hoàn thiện thể chế, pháp luật theo chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, những điểm nghẽn về thể chế nhằm khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội theo Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội.

- Kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của thị trường bảo hiểm, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện đối với thị trường bảo hiểm.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, phù hợp với cam kết quốc tế có liên quan; bảo đảm tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật, không chồng chéo, mâu thuẫn giữa pháp luật kinh doanh bảo hiểm và các hệ thống pháp luật khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, Cục QL BH đã thực hiện như sau:

1. Rà soát Luật số 139/2025/QH15, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm cung cấp các căn cứ pháp lý và luận cứ thực tiễn cho việc xây dựng dự thảo Thông tư.

2. Lấy ý kiến doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và Hiệp hội bảo hiểm để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc liên quan đến Thông tư số 67/2023/TT-BTC để kịp thời tháo gỡ.

3. Cục QL BH đã chủ động xây dựng dự thảo Thông tư, gửi lấy ý kiến đơn vị có liên quan đến dự thảo Thông tư và các đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự thảo Thông tư, trình Bộ cho phép đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Công pháp luật quốc gia.

4. Đến ngày .../.../2026, Cục QL BH đã nhận được ý kiến góp ý của ... đơn vị. Cục QL BH đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư, gửi Vụ Pháp chế thẩm định tại Công văn số..... ngày .../.../2026.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Cục QL BH đã nghiên cứu tiếp thu tối đa các ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế tại Báo cáo số ngày .../.../2026 và hoàn thiện hồ sơ Thông tư để trình Lãnh đạo Bộ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh cho phù hợp với Luật số 139/2025/QH15, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP và giữ nguyên đối tượng áp dụng của Thông tư số 67/2023/TT-BTC, cụ thể như sau:

- Về phạm vi điều chỉnh: Trên cơ sở phạm vi điều chỉnh đã quy định tại Điều 1 Thông tư số 67/2023/TT-BTC, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư giữ nguyên khoản 1 Điều 1 Thông tư số 67/2023/TT-BTC và bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số Thông tư số 67/2023/TT-BTC theo hướng bổ sung nội dung hướng dẫn điểm p khoản 3 Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số.../2026/NĐ-CP) về chi hỗ trợ, chi thù lao.

- Về đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng dự thảo Thông tư không thay đổi so với Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP, cụ thể: doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài; Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam; Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng; Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2. Bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 16 Điều và 4 Phụ lục, cụ thể như sau:

- Từ Điều 1 đến Điều 14: Sửa đổi, bổ sung 13 điều và tên mục 4 Chương IV của Thông tư số 67/2023/TT-BTC.

- Điều 15: Thay thế một số Phụ lục của Thông tư số 67/2023/TT-BTC

- Điều 16: Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1 Tổng quan các nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện:

- Các nội dung quy định chi tiết Luật số 139/2025/QH15 bao gồm:

+ Sửa đổi 05 điều để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật số 139/2025/QH15 liên quan đến phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm đối với bảo hiểm xe cơ giới; phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng bảo đảm cân đối đối với bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm nhân thọ; tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến nhiều nguồn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; Phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến nhiều quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

+ Sửa đổi 01 điều quy định về dịch vụ, kỹ thuật, bảo mật và lưu trữ dữ liệu để bảo đảm phù hợp với Luật số 139/2025/QH15 và Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

+ Sửa đổi 01 khoản của 01 điều về hiệu lực thi hành để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật số 139/2025/QH15.

- Sửa 01 điều về phạm vi điều chỉnh để quy định chi tiết Nghị định số .../2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

- Sửa 01 điều về cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm vi mô) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài để bảo đảm phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 99 và điểm a khoản 2 Điều 102 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung 02 điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến hoa hồng đại lý bảo hiểm và cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua đại lý bảo hiểm.

- Sửa đổi 01 điều để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Căn cước số 26/2023/QH15;

(ii) Nội dung bổ sung: Bổ sung 01 Điều để hướng dẫn điểm p khoản 3 Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số.../2026/NĐ-CP) về chi hỗ trợ, chi thù lao.

(iii) Nội dung lược bỏ: Không có.

(iv) Nội dung thủ tục hành chính: Không có

(v) Nội dung phân quyền, phân cấp: Không có.

3.2. Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung

(i) Những quy định chung

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 67/2023/TT-BTC theo hướng bổ sung nội dung quy định chi tiết điểm p khoản 3 Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số.../2026/NĐ-CP) về chi hỗ trợ, chi thù lao.

- Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của Điều 7 theo hướng bỏ cụm từ “an toàn thông tin mạng,” để bảo đảm phù hợp với Luật số 139/2025/QH15 và Luật An ninh mạng năm 2025.

(ii) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 22 theo hướng thay cụm từ “phí bảo hiểm rủi ro” bằng cụm từ “phí rủi ro” để phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 99 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP và bổ sung quy định phí rủi ro đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư chỉ cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong không vượt quá 72% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 bảo đảm phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 102 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số .../2026/NĐ-CP).

- Sửa đổi Điều 25 về phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm đối với bảo hiểm xe cơ giới theo hướng mở rộng tổ chức được cung cấp số liệu thống kê đối với rủi ro bảo hiểm dành cho xe cơ giới thân thiện môi trường, xe sử dụng năng lượng sạch, xanh và bổ sung quy định doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không được thay đổi phí bảo hiểm thuần đã đăng ký/thông báo ít nhất trong 12 tháng kế tiếp để tránh cạnh tranh không lành mạnh.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 40 theo hướng bổ sung bảo hiểm tử kỳ để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 139/2025/QH15.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 42 theo hướng thay cụm từ “đăng ký” bằng cụm từ “thông báo” để phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 Luật số 139/2025/QH15. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung các điều 43, 46 theo hướng bổ sung các đầu mục chi quản lý các đại lý bảo hiểm cá nhân; chi kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đại lý bảo hiểm; chi hỗ trợ, chi thù lao nằm trong chi phí của nguồn phí bảo hiểm.

- Bổ sung giới hạn chi hỗ trợ, chi thù lao nhằm hạn chế cạnh tranh không lành mạnh để hướng dẫn điểm p khoản 3 Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số.../2026/NĐ-CP).

(iii) Đại lý bảo hiểm và môi giới bảo hiểm

- Sửa đổi điểm 3.2 khoản 3 Điều 51 về chi hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư và bảo hiểm hưu trí theo hướng quy định tỷ lệ chi hoa hồng đối với phí cơ bản và phí đóng thêm của các sản phẩm này để bảo đảm rõ ràng, minh bạch.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 53 theo hướng doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải giám sát và kiểm tra

định kỳ đối với cả đại lý cá nhân nhằm đồng bộ với việc giám sát, kiểm tra định kỳ tổ chức hoạt động đại lý và quy định xử phạt vi phạm hành chính.

(iv) Chế độ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

Sửa đổi, bổ sung Điều 61 theo hướng thay thế cụm từ “chứng minh nhân dân” bằng cụm từ “thẻ căn cước để bảo đảm phù hợp với Luật Căn cước 2023.

(v) Tổ chức thực hiện

Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 4 Điều 62 theo hướng thay thế cụm từ “đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027” bằng cụm từ “đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030” để bảo đảm phù hợp với khoản 14 Điều 1 Luật số 139/2025/QH15.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

Việc thi hành Thông tư được thực hiện trên cơ sở sử dụng bộ máy của các cơ quan nhà nước hiện có, không làm phát sinh nguồn lực mới về nhân sự và cơ sở vật chất do không phát sinh trình tự, thủ tục, yêu cầu mới so với quy định hiện hành.

Thời gian trình ban hành Thông tư đã đăng ký: Tháng .../2026

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Cục QL BH xin kính trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo thông tư và các Phụ lục; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PTTT (04b)

CỤC TRƯỞNG

Ngô Việt Trung

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO ĐĂNG WEB

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 139/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số....;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 32, Điều 44, khoản 7 Điều 49 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 ngày 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo

hiêm (sau đây gọi là Nghị định số 46/2023/NĐ-CP), bao gồm biểu mẫu các thông tin của cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; mẫu tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm; hướng dẫn, minh họa các phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ; thời điểm ghi nhận doanh thu đối với từng loại hình bảo hiểm và điểm p khoản 3 Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số.../2026/NĐ-CP) về chi hỗ trợ, chi thù lao.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của Điều 7 như sau:

“Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng phải thực hiện các yêu cầu về dịch vụ, kỹ thuật, bảo mật và lưu trữ dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, ~~an toàn thông tin mạng~~, an ninh mạng và các quy định sau:”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 22 như sau:

~~“c) Phí bảo hiểm rủi ro cho quyền lợi tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí không vượt quá 80% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng tỷ lệ tử vong cao hơn 80% bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 thì phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng tỷ lệ cao hơn đó Phí rủi ro của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí thực hiện theo quy định sau:~~

~~- Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm bảo hiểm hưu trí cung cấp quyền lợi tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn: phí rủi ro không vượt quá 80% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.~~

~~- Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư chỉ cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong: phí rủi ro không vượt quá 72% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.~~

~~Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng phí rủi ro cao hơn mức quy định nêu trên thì phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng phí rủi ro cao hơn đó;”.~~

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 Điều 25 như sau:

“a) Phí bảo hiểm thuần được xác định trên số liệu thống kê thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, bảo đảm tính quy mô và liên tục theo chuỗi thời gian tối thiểu trong 5 năm liên tiếp

Trường hợp số liệu thống kê không bảo đảm tính quy mô và liên tục, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng các nguồn sau:

- Phí bảo hiểm thuần do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố;
- Số liệu thống kê công khai, chính thức do các tổ chức có thẩm quyền trong nước công bố để xác định phí bảo hiểm thuần;
- Phí bảo hiểm thuần do công ty mẹ hoặc doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm cung cấp; trong trường hợp này doanh nghiệp, tổ chức tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và phải có kinh nghiệm khai thác tái bảo hiểm đối với loại rủi ro này tại thị trường Việt Nam hoặc Châu Á. Trường hợp có điều chỉnh phí bảo hiểm thuần của nhà tái bảo hiểm nước ngoài (tăng hoặc giảm), doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có giải trình lý do. Việc sử dụng phí bảo hiểm thuần do các doanh nghiệp, tổ chức tái bảo hiểm cung cấp phải bảo đảm phù hợp với các quyền lợi bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dự kiến cung cấp tại quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm xác định phí bảo hiểm thuần đối với các rủi ro bảo hiểm dành cho Xe cơ giới thân thiện môi trường và Xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường theo quy định tại Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung nếu có: Doanh nghiệp bảo hiểm có thể sử dụng các nguồn số liệu thống kê do các tổ chức trong nước và quốc tế đăng tải công khai trên các trang thông tin điện tử chính thức của các tổ chức đó. Các tiêu chí lựa chọn nguồn dữ liệu triển khai của sản phẩm, quy trình đánh giá rủi ro và quy trình định giá và tính phí lại sản phẩm phải được nêu rõ tại quy trình nội bộ về phát triển và định phí sản phẩm. Quy trình này phải được Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) thông qua. Việc tuân thủ quy trình nội bộ về phát triển và định phí sản phẩm bảo hiểm phải được kiểm toán nội bộ xem xét định kỳ hàng năm.

b) Phí bảo hiểm thuần được xác định cụ thể cho từng rủi ro hoặc cho một số rủi ro sau đây: đâm, va (bao gồm cả va chạm vào vật thể khác); lật, đổ, chìm, rơi; bị các vật thể khác rơi vào; cháy, nổ; thiên tai; mất cắp; và các rủi ro khác (nếu có).

Khi thông báo áp dụng phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm hoặc thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm xe cơ giới, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không được thay đổi phí bảo hiểm thuần đã đăng ký ít nhất trong 12 tháng kế tiếp đối với cùng loại xe cơ giới, mục

đích kinh doanh và sử dụng xe cơ giới, năm sản xuất của xe cơ giới và nhóm khách hàng.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 40 như sau:

“3. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, *bảo hiểm tử kỳ*: Mức trích lập hàng năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Thông tư này. Dự phòng này được sử dụng để trả tiền bồi thường khi có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro dẫn đến tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Số tiền tối đa được sử dụng được tính theo công thức sau:

$$\left. \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{được sử} \\ \text{dụng} \\ \text{trong} \\ \text{năm TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} = \left. \begin{array}{l} \text{Số tiền bồi} \\ \text{thường} \\ \text{thuộc trách} \\ \text{nhiệm giữ} \\ \text{lại trong} \\ \text{năm TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{phí bảo} \\ \text{hiểm} \\ \text{giữ lại} \\ \text{của năm} \\ \text{TC hiện} \\ \text{tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Dự phòng phí} \\ \text{chưa được hưởng} \\ \text{tương ứng với} \\ \text{trách nhiệm giữ} \\ \text{lại phải trích lập} \\ \text{trong năm TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Dự phòng bồi} \\ \text{thường tương} \\ \text{ứng với trách} \\ \text{nhiệm giữ lại} \\ \text{phải lập vào} \\ \text{năm TC hiện} \\ \text{tại} \end{array} \right\}$$

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương IV như sau:

“THỜI ĐIỂM GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ”

Điều 7. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41 như sau:

“Điều 41a. Chi hỗ trợ, thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chi hỗ trợ, thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó sau khi mang lại dịch vụ cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều này, điều kiện và đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng quy chế chi hỗ trợ, thù lao áp dụng thống nhất và công khai trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

3. Tỷ lệ chi hỗ trợ, thù lao tối đa được trả trên phí bảo hiểm thực tế thu được của từng hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả cho nhân viên hoặc thành viên của

tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã không vượt quá 5% tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa tương ứng với từng hợp đồng bảo hiểm thuộc từng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, sức khỏe quy định tại khoản 3 Điều 51 Thông tư này.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Người đại diện theo pháp luật, chuyên gia tính toán và kế toán trưởng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm về việc xây dựng nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí theo quy định tại Thông tư này và thực hiện thủ tục ~~đăng ký~~ thông báo với Bộ Tài chính, thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, tính chính xác các số liệu của nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc cấp có thẩm quyền của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm phê duyệt nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí và có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện các nguyên tắc phân bổ này sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 và bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 5 Điều 43 như sau:

“a) Chi bồi thường bảo hiểm sau khi trừ thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, chi trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi hoa hồng môi giới bảo hiểm, ~~chi quản lý đại lý bảo hiểm~~; chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm; chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý; chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý; chi tuyển dụng đại lý bảo hiểm; chi quản lý các đại lý bảo hiểm cá nhân; chi kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đại lý bảo hiểm.

a1) Chi hỗ trợ, chi thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó để triển khai bảo hiểm vi mô;”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 và bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 5 Điều 46 như sau:

“b) Chi giám định tổn thất, ~~chi quản lý đại lý bảo hiểm~~; chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm, chi đề phòng, hạn chế tổn thất, chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm; chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý; chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý; chi tuyển dụng đại lý bảo hiểm; chi quản lý các đại lý bảo hiểm cá nhân; chi kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đại lý bảo hiểm.

b1) Chi hỗ trợ, chi thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó để triển khai bảo hiểm vi mô;”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.2 khoản 3 Điều 51 như sau:

“3.2. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm nhân thọ:

a) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân:

Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa được áp dụng đối với các nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành trước ngày 01/7/2024, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa theo bảng sau:

Nghiệp vụ bảo hiểm	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)			
	Phương thức nộp phí định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần
	Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo	
1. Bảo hiểm tử kỳ	40	20	15	15
2. Bảo hiểm sinh kỳ				
- Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống	15	10	5	5
- Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	20	10	5	5
3. Bảo hiểm hỗn hợp:				
- Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống	25	7	5	5
- Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	40	10	10	7
4. Bảo hiểm trọn đời	30	20	15	10
5. Bảo hiểm trả tiền định kỳ	25	10	7	7
6. Bảo hiểm liên kết chung				
Từ 10 năm trở xuống	25	7	5	5
Trên 10 năm	40	10	10	7
7. Bảo hiểm liên kết đơn vị	40	10	10	7

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành kể từ ngày 01/7/2024, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa thực hiện như sau:

+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống và 01 năm tái tục hàng năm: 20%

+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm trên 01 năm:

Nghiệp vụ bảo hiểm	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)			
	Phương thức nộp phí định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần
	Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo	

1. Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm trọn đời	40	20	15	15
2. Bảo hiểm sinh kỳ, Bảo hiểm trả tiền định kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp: - Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống - Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	25 30	7 20	5 10	5 7
3. Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm liên kết đơn vị (<u>đối với phí cơ bản</u>)	30	20	10	7

- Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị không được vượt quá tỷ lệ phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm.

b) Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với phí cơ bản của hợp đồng bảo hiểm hưu trí: 3% tổng phí bảo hiểm;

Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm hưu trí không được vượt quá tỷ lệ phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm.

c) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nhóm: Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa bằng 50% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại quy định tại điểm a khoản này.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 và điểm a khoản 4 Điều 53 như sau:

“4. ~~Đối với~~ Việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua ~~tổ chức hoạt động~~ đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thực hiện theo quy định sau:

a) Thực hiện việc giám sát và kiểm tra ~~định kỳ~~ nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động giới thiệu, tư vấn sản phẩm bảo hiểm của đại lý bảo hiểm, các nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý; trường hợp phát hiện đại lý bảo hiểm vi phạm quy định, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có biện pháp xử lý đối với các đại lý bảo hiểm vi phạm; kịp thời phối hợp với tổ chức hoạt động đại lý để kiểm tra, rà soát, xử lý các khiếu nại của bên mua bảo hiểm liên quan đến việc tư vấn của đại lý bảo hiểm, nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm và xử lý vi phạm (nếu có);”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 61 như sau:

“b) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc ~~chứng minh nhân dân~~ thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi Trưởng văn phòng đại diện và người làm việc tại văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 4 Điều 62 như sau:

Thay thế cụm từ “đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027” bằng cụm từ “đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030” tại điểm a và b khoản 4 Điều 62.

Điều 15. Thay thế một số Phụ lục của Thông tư số 67/2023/TT-BTC như sau:

Thay thế các phụ lục III, IV, X, XI bằng các phụ lục III, IV, X, XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- HHHB, DNBH, DNTBH, DNMGBH; CNNN; VPDD
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QL BH (b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 67/2023/TT-BTC HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM, NGHỊ ĐỊNH SỐ 46/2023/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG		
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Thông tư này quy định chi tiết khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 76, khoản 4 Điều 82, khoản 6 Điều 87, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 101, khoản 4 Điều 105, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 120, điểm c khoản 1 và các điểm đ, k khoản 2 Điều 128, khoản 4 Điều 129, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 137, khoản 5 Điều 138, khoản 4 Điều 145 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 32, Điều 44, khoản 7 Điều 49 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 ngày 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sau đây gọi là Nghị định số 46/2023/NĐ-CP), bao gồm biểu mẫu các thông tin của cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; mẫu tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm; hướng dẫn, minh họa các phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ; thời điểm ghi nhận doanh thu đối với từng loại hình bảo hiểm.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Thông tư này quy định chi tiết khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 76, khoản 4 Điều 82, khoản 6 Điều 87, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 101, khoản 4 Điều 105, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 120, điểm c khoản 1 và các điểm đ, k khoản 2 Điều 128, khoản 4 Điều 129, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 137, khoản 5 Điều 138, khoản 4 Điều 145 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 32, Điều 44, khoản 7 Điều 49 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 ngày 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sau đây gọi là Nghị định số 46/2023/NĐ-CP), bao gồm biểu mẫu các thông tin của cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; mẫu tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm; hướng dẫn, minh họa các phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ; thời điểm ghi nhận doanh thu đối với từng loại hình bảo hiểm <u>và điểm p khoản 3 Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số.../2026/NĐ-CP) về chi hỗ trợ, chi thù lao.</u></p>	<p>Để phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
CHƯƠNG II – CUNG CẤP DỊCH VỤ, SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG		
<p>Điều 7. Quy định về dịch vụ, kỹ thuật, bảo mật và lưu trữ dữ liệu</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng phải thực hiện các yêu cầu về dịch vụ, kỹ thuật, bảo mật và lưu trữ dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng, ban hành quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng, bao gồm những thông tin chính như sau: mô tả quy trình giao dịch; kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn thông tin; quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp; chính sách bảo vệ thông tin cá nhân; giải pháp xử lý sự cố, hệ thống dự phòng; lưu trữ và biện pháp xử lý vi phạm đối với trường hợp không tuân thủ quy chế hoạt động. Bảo đảm cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng công khai, công bằng, minh bạch, an toàn và hiệu quả cho bên sử dụng dịch vụ hoặc bên mua bảo hiểm khi sử dụng cùng một loại dịch vụ, sản phẩm. Đăng tải các ứng dụng hoặc các hình thức được sử dụng để cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng trên trang Thông tin điện tử của mình với tên miền đã đăng ký theo quy định pháp luật hiện hành để cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước 	<p>Điều 7. Quy định về dịch vụ, kỹ thuật, bảo mật và lưu trữ dữ liệu</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng phải thực hiện các yêu cầu về dịch vụ, kỹ thuật, bảo mật và lưu trữ dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng, ban hành quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng, bao gồm những thông tin chính như sau: mô tả quy trình giao dịch; kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn thông tin; quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp; chính sách bảo vệ thông tin cá nhân; giải pháp xử lý sự cố, hệ thống dự phòng; lưu trữ và biện pháp xử lý vi phạm đối với trường hợp không tuân thủ quy chế hoạt động. Bảo đảm cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng công khai, công bằng, minh bạch, an toàn và hiệu quả cho bên sử dụng dịch vụ hoặc bên mua bảo hiểm khi sử dụng cùng một loại dịch vụ, sản phẩm. Đăng tải các ứng dụng hoặc các hình thức được sử dụng để cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng trên trang Thông tin điện tử của mình với tên miền đã đăng ký theo quy định pháp luật hiện hành để cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước 	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật An ninh mạng năm 2025</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>ngoài và các hệ thống cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng cần xác thực theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>5. Việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này phải thể hiện trong hợp đồng bảo hiểm giao kết giữa bên mua bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, trong đó quy định cụ thể về hình thức giao dịch trực tuyến, những rủi ro có thể xảy ra khi mua/bán sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng, trách nhiệm bồi thường của mỗi bên khi xảy ra rủi ro và thông tin khác liên quan đến hoạt động cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng. Quy định này áp dụng đối với các hợp đồng giao kết từ ngày 01/01/2024.</p> <p>6. Lưu trữ dữ liệu về cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Xác định cấp độ và triển khai các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tương ứng theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.</p>	<p>ngoài và các hệ thống cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng cần xác thực theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>5. Việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này phải thể hiện trong hợp đồng bảo hiểm giao kết giữa bên mua bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, trong đó quy định cụ thể về hình thức giao dịch trực tuyến, những rủi ro có thể xảy ra khi mua/bán sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng, trách nhiệm bồi thường của mỗi bên khi xảy ra rủi ro và thông tin khác liên quan đến hoạt động cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng. Quy định này áp dụng đối với các hợp đồng giao kết từ ngày 01/01/2024.</p> <p>6. Lưu trữ dữ liệu về cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Xác định cấp độ và triển khai các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tương ứng theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính</p>	
CHƯƠNG IV – DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM, TỔ CHỨC TƯƠNG HỖ CUNG CẤP BẢO HIỂM VI MÔ		
MỤC 1. HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ		
<p>Điều 22. Cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm vi mô) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài</p> <p>Cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm</p>	<p>Điều 22. Cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm vi mô) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài</p> <p>Cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm</p>	<p>Do Điều 29 Nghị định 97/2026/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 102 của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP, cho phép “<i>quyền lợi bảo hiểm rủi ro bao gồm quyền lợi từ</i></p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>sức khỏe (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm vi mô) bao gồm:</p> <p>1. Các tỷ lệ rủi ro bảo hiểm:</p> <p>a) Đối với tỷ lệ rủi ro tử vong, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng một trong số các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; các tỷ lệ điều chỉnh dựa trên bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 này; - Bảng tỷ lệ tử vong được xây dựng dựa trên số liệu thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trong thời gian tối thiểu 10 năm; - Các bảng tỷ lệ tử vong do công ty mẹ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hoặc doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm cung cấp; <p>Trong trường hợp tỷ lệ tử vong do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài sử dụng cao hơn 75% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng tỷ lệ cao hơn đó.</p> <p>b) Đối với các tỷ lệ rủi ro khác ngoài tỷ lệ rủi ro tử vong (như tỷ lệ nằm viện, tỷ lệ thương tật, tỷ lệ tai nạn, tỷ lệ chi phí y tế, tỷ lệ bệnh hiểm nghèo...), doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng một trong số các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ rủi ro do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố; 	<p>sức khỏe (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm vi mô) bao gồm:</p> <p>1. Các tỷ lệ rủi ro bảo hiểm:</p> <p>a) Đối với tỷ lệ rủi ro tử vong, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng một trong số các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; các tỷ lệ điều chỉnh dựa trên bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 này; - Bảng tỷ lệ tử vong được xây dựng dựa trên số liệu thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trong thời gian tối thiểu 10 năm; - Các bảng tỷ lệ tử vong do công ty mẹ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hoặc doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm cung cấp; <p>Trong trường hợp tỷ lệ tử vong do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài sử dụng cao hơn 75% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng tỷ lệ cao hơn đó.</p> <p>b) Đối với các tỷ lệ rủi ro khác ngoài tỷ lệ rủi ro tử vong (như tỷ lệ nằm viện, tỷ lệ thương tật, tỷ lệ tai nạn, tỷ lệ chi phí y tế, tỷ lệ bệnh hiểm nghèo...), doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng một trong số các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ rủi ro do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố; 	<p><i>vong và có thể bao gồm quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn”.</i></p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>- Tỷ lệ rủi ro được xây dựng dựa trên số liệu thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trong thời gian tối thiểu 05 năm liên tiếp;</p> <p>- Tỷ lệ rủi ro do công ty mẹ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp, do các doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm cung cấp, trong trường hợp này doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện về xếp hạng được quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm cung cấp tỷ lệ rủi ro hợp đồng tái bảo hiểm và phải có kinh nghiệm khai thác tái bảo hiểm đối với loại rủi ro này tại thị trường Việt Nam hoặc Châu Á.</p> <p>Trường hợp có điều chỉnh tỷ lệ rủi ro, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có giải trình lý do. Việc sử dụng tỷ lệ rủi ro do các doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm cung cấp phải phù hợp với các quyền lợi bảo hiểm tại quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>2. Các giả định về chi phí triển khai sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:</p> <p>a) Các giả định về chi phí triển khai sản phẩm bảo hiểm (chi phí cố định và chi phí biến đổi) được xác định dựa trên số liệu thống kê và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;</p> <p>b) Đối với các sản phẩm bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống (bao gồm hợp đồng sản phẩm có thời hạn 01 năm và tái tục hàng năm): doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ</p>	<p>- Tỷ lệ rủi ro được xây dựng dựa trên số liệu thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trong thời gian tối thiểu 05 năm liên tiếp;</p> <p>- Tỷ lệ rủi ro do công ty mẹ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp, do các doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm cung cấp, trong trường hợp này doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện về xếp hạng được quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm cung cấp tỷ lệ rủi ro hợp đồng tái bảo hiểm và phải có kinh nghiệm khai thác tái bảo hiểm đối với loại rủi ro này tại thị trường Việt Nam hoặc Châu Á.</p> <p>Trường hợp có điều chỉnh tỷ lệ rủi ro, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có giải trình lý do. Việc sử dụng tỷ lệ rủi ro do các doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức nhận tái bảo hiểm cung cấp phải phù hợp với các quyền lợi bảo hiểm tại quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>2. Các giả định về chi phí triển khai sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:</p> <p>a) Các giả định về chi phí triển khai sản phẩm bảo hiểm (chi phí cố định và chi phí biến đổi) được xác định dựa trên số liệu thống kê và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;</p> <p>b) Đối với các sản phẩm bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống (bao gồm hợp đồng sản phẩm có thời hạn 01 năm và tái tục hàng năm): doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ																								
<p>nước ngoài phải đảm bảo các giá định về chi phí và lợi nhuận tính vào phí bảo hiểm không được vượt quá 60% tổng phí bảo hiểm;</p> <p>c) Đối với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo giá trị hiện tại của các giá định về chi phí và lợi nhuận đưa vào tính phí không vượt quá 55% tổng phí bảo hiểm.</p> <p>3. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí:</p> <p>a) Phí ban đầu của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư không vượt quá quy định sau:</p> <p>Phí ban đầu của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí định kỳ:</p> <table border="1" data-bbox="152 727 869 1177"> <thead> <tr> <th>Năm đóng phí</th> <th>Năm 1</th> <th>Năm 2</th> <th>Năm 3 đến năm 5</th> <th>Năm 6 đến năm 10</th> <th>Từ năm 11 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ phí ban đầu/phí bảo hiểm cơ bản năm</td> <td>50%</td> <td>30%</td> <td>20%</td> <td>2%</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Phí ban đầu của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí một lần: 10% phí bảo hiểm đóng một lần.</p> <p>Phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm: 1,5% phí bảo hiểm đóng thêm của từng năm hợp đồng và trong 10 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>b) Phí ban đầu của sản phẩm bảo hiểm hưu trí không vượt quá 5% tổng phí bảo hiểm thu được trong</p>	Năm đóng phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3 đến năm 5	Năm 6 đến năm 10	Từ năm 11 trở đi	Tỷ lệ phí ban đầu/phí bảo hiểm cơ bản năm	50%	30%	20%	2%	0%	<p>ngoài phải đảm bảo các giá định về chi phí và lợi nhuận tính vào phí bảo hiểm không được vượt quá 60% tổng phí bảo hiểm;</p> <p>c) Đối với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo giá trị hiện tại của các giá định về chi phí và lợi nhuận đưa vào tính phí không vượt quá 55% tổng phí bảo hiểm.</p> <p>3. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí:</p> <p>a) Phí ban đầu của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư không vượt quá quy định sau:</p> <p>Phí ban đầu của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí định kỳ:</p> <table border="1" data-bbox="909 727 1626 1177"> <thead> <tr> <th>Năm đóng phí</th> <th>Năm 1</th> <th>Năm 2</th> <th>Năm 3 đến năm 5</th> <th>Năm 6 đến năm 10</th> <th>Từ năm 11 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ phí ban đầu/phí bảo hiểm cơ bản năm</td> <td>50%</td> <td>30%</td> <td>20%</td> <td>2%</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Phí ban đầu của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí một lần: 10% phí bảo hiểm đóng một lần.</p> <p>Phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm: 1,5% phí bảo hiểm đóng thêm của từng năm hợp đồng và trong 10 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>b) Phí ban đầu của sản phẩm bảo hiểm hưu trí không vượt quá 5% tổng phí bảo hiểm thu được trong</p>	Năm đóng phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3 đến năm 5	Năm 6 đến năm 10	Từ năm 11 trở đi	Tỷ lệ phí ban đầu/phí bảo hiểm cơ bản năm	50%	30%	20%	2%	0%	
Năm đóng phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3 đến năm 5	Năm 6 đến năm 10	Từ năm 11 trở đi																					
Tỷ lệ phí ban đầu/phí bảo hiểm cơ bản năm	50%	30%	20%	2%	0%																					
Năm đóng phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3 đến năm 5	Năm 6 đến năm 10	Từ năm 11 trở đi																					
Tỷ lệ phí ban đầu/phí bảo hiểm cơ bản năm	50%	30%	20%	2%	0%																					

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>năm tài chính. Phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 1,5% phí bảo hiểm đóng thêm của từng năm hợp đồng và trong 10 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm;</p> <p>c) Phí bảo hiểm rủi ro cho quyền lợi tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí không vượt quá 80% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng tỷ lệ tử vong cao hơn 80% bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 thì phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng tỷ lệ cao hơn đó;</p> <p>d) Phí quản lý quỹ của quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện không vượt quá 2%/năm. Đối với quỹ liên kết đơn vị, phí quản lý quỹ tối đa được căn cứ vào chính sách đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị và không vượt quá 2,5%/năm đối với các quỹ có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 70% vào cổ phiếu, 1,5%/năm đối với các quỹ có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 70% vào trái phiếu và 1%/năm đối với các quỹ có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 70% vào tiền gửi và các tài sản có thu nhập cố định khác. Đối với các quỹ liên kết đơn vị có tỷ trọng đầu tư khác, mức phí quản lý quỹ tối đa được tính bằng bình quân gia quyền của các tài sản đầu tư trong quỹ với mức tối đa của các quỹ nêu trên.</p> <p>4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe đã đăng ký với Bộ Tài chính theo quy định tại Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải chứng minh được tính phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung căn cứ trên số liệu thống kê của doanh nghiệp, chi nhánh trong thời gian triển khai sản</p>	<p>năm tài chính. Phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 1,5% phí bảo hiểm đóng thêm của từng năm hợp đồng và trong 10 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm;</p> <p>c) Phí bảo hiểm rủi ro cho quyền lợi tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí không vượt quá 80% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng tỷ lệ tử vong cao hơn 80% bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 thì phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng tỷ lệ cao hơn đó;</p> <p><i>Phí rủi ro của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí thực hiện theo quy định sau:</i></p> <p><i>- Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm bảo hiểm hưu trí cung cấp quyền lợi tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn: phí rủi ro không vượt quá 80% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.</i></p> <p><i>- Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư chỉ cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong: phí rủi ro không vượt quá 72% tỷ lệ tử vong theo bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhân với số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.</i></p> <p><i>Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng phí rủi ro cao hơn mức quy định nêu trên thì phải giải trình được tính hợp lý, điểm đặc trưng của nhóm khách hàng dự kiến áp dụng phí rủi ro cao hơn đó;</i></p> <p>d) Phí quản lý quỹ của quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện không vượt quá 2%/năm. Đối với quỹ liên kết</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>phẩm và có xác nhận của chuyên gia tính toán.</p> <p>5. Trường hợp sửa đổi, bổ sung cơ sở tính phí của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi Thông tư này có hiệu lực, những nội dung sửa đổi, bổ sung tại cơ sở tính phí theo đề nghị của doanh nghiệp phải phù hợp với các quy định tại Thông tư này.</p>	<p>đơn vị, phí quản lý quỹ tối đa được căn cứ vào chính sách đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị và không vượt quá 2,5%/năm đối với các quỹ có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 70% vào cổ phiếu, 1,5%/năm đối với các quỹ có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 70% vào trái phiếu và 1%/năm đối với các quỹ có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 70% vào tiền gửi và các tài sản có thu nhập cố định khác. Đối với các quỹ liên kết đơn vị có tỷ trọng đầu tư khác, mức phí quản lý quỹ tối đa được tính bằng bình quân gia quyền của các tài sản đầu tư trong quỹ với mức tối đa của các quỹ nêu trên.</p> <p>4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung cơ sở tính phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe đã đăng ký với Bộ Tài chính theo quy định tại Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải chứng minh được tính phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung căn cứ trên số liệu thống kê của doanh nghiệp, chi nhánh trong thời gian triển khai sản phẩm và có xác nhận của chuyên gia tính toán.</p> <p>5. Trường hợp sửa đổi, bổ sung cơ sở tính phí của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi Thông tư này có hiệu lực, những nội dung sửa đổi, bổ sung tại cơ sở tính phí theo đề nghị của doanh nghiệp phải phù hợp với các quy định tại Thông tư này.</p>	
<p>Điều 25. Phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm đối với bảo hiểm xe cơ giới</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chủ động áp dụng phương pháp tính phí bảo hiểm xe cơ giới phù hợp, bảo đảm đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phí bảo hiểm được xây dựng bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 87 Luật Kinh doanh bảo</p>	<p>Điều 25. Phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm đối với bảo hiểm xe cơ giới</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chủ động áp dụng phương pháp tính phí bảo hiểm xe cơ giới phù hợp, bảo đảm đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phí bảo hiểm được xây dựng bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 87 Luật Kinh doanh bảo</p>	<p>Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Đồng thời, đảm bảo doanh nghiệp không thay đổi phí liên tục trong năm do hiện nay việc xác định cơ sở tính phí bảo hiểm thuần không cần được Bộ Tài chính chấp thuận, DNBH sẽ cạnh tranh không lành mạnh và thay đổi liên tục phí bảo hiểm thuần.</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>hiêm;</p> <p>b) Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm thuần, các chi phí triển khai sản phẩm và lợi nhuận dự kiến. Phí bảo hiểm thuần, các chi phí triển khai sản phẩm bảo hiểm và lợi nhuận dự kiến được xây dựng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này;</p> <p>c) Áp dụng các yếu tố liên quan đến rủi ro sau đây làm cơ sở tính phí bảo hiểm, bao gồm: Loại xe cơ giới theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ; Mục đích kinh doanh (xe kinh doanh, xe không kinh doanh); Mục đích sử dụng xe cơ giới (xe chờ người, xe chờ hàng, xe chuyên dùng); Năm sản xuất của xe cơ giới. Trường hợp áp dụng bổ sung các yếu tố liên quan đến rủi ro khác ngoài các yếu tố nêu trên, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bảo đảm có số liệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>d) Thực hiện đăng ký cụ thể các trường hợp và căn cứ tăng, giảm phí bảo hiểm.</p> <p>Việc tăng phí bảo hiểm phải căn cứ trên các yếu tố làm tăng rủi ro được bảo hiểm.</p> <p>Việc giảm phí bảo hiểm phải bảo đảm trong mọi trường hợp phí bảo hiểm sau khi giảm phí không thấp hơn phí bảo hiểm thuần và căn cứ trên một hoặc một số các yếu tố làm giảm, phân tán, chia sẻ rủi ro hoặc giảm chi phí triển khai sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, bao gồm quy mô số phương tiện được bảo hiểm, lựa chọn mức khấu trừ, mức miễn thường, lịch sử bồi thường, hình thức phân phối sản phẩm và các yếu tố khác (nếu có), trường hợp giảm phí bảo hiểm do bán hàng trực tiếp, mức phí bảo hiểm được giảm không vượt quá tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm theo quy định tại Điều 51 Thông tư này;</p> <p>đ) Phí bảo hiểm của các điều khoản bảo hiểm bổ sung</p>	<p>hiêm;</p> <p>b) Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm thuần, các chi phí triển khai sản phẩm và lợi nhuận dự kiến. Phí bảo hiểm thuần, các chi phí triển khai sản phẩm bảo hiểm và lợi nhuận dự kiến được xây dựng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này;</p> <p>c) Áp dụng các yếu tố liên quan đến rủi ro sau đây làm cơ sở tính phí bảo hiểm, bao gồm: Loại xe cơ giới theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ; Mục đích kinh doanh (xe kinh doanh, xe không kinh doanh); Mục đích sử dụng xe cơ giới (xe chờ người, xe chờ hàng, xe chuyên dùng); Năm sản xuất của xe cơ giới. Trường hợp áp dụng bổ sung các yếu tố liên quan đến rủi ro khác ngoài các yếu tố nêu trên, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bảo đảm có số liệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>d) Thực hiện đăng ký cụ thể các trường hợp và căn cứ tăng, giảm phí bảo hiểm.</p> <p>Việc tăng phí bảo hiểm phải căn cứ trên các yếu tố làm tăng rủi ro được bảo hiểm.</p> <p>Việc giảm phí bảo hiểm phải bảo đảm trong mọi trường hợp phí bảo hiểm sau khi giảm phí không thấp hơn phí bảo hiểm thuần và căn cứ trên một hoặc một số các yếu tố làm giảm, phân tán, chia sẻ rủi ro hoặc giảm chi phí triển khai sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, bao gồm quy mô số phương tiện được bảo hiểm, lựa chọn mức khấu trừ, mức miễn thường, lịch sử bồi thường, hình thức phân phối sản phẩm và các yếu tố khác (nếu có), trường hợp giảm phí bảo hiểm do bán hàng trực tiếp, mức phí bảo hiểm được giảm không vượt quá tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm theo quy định tại Điều 51 Thông tư này;</p> <p>đ) Phí bảo hiểm của các điều khoản bảo hiểm bổ sung</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>bảo đảm tương ứng với điều kiện, trách nhiệm bảo hiểm; trường hợp điều khoản bổ sung mở rộng phạm vi bảo hiểm thì phải tăng phí bảo hiểm, trường hợp điều khoản thu hẹp phạm vi bảo hiểm thì phải giảm phí bảo hiểm nhưng trong mọi trường hợp không được giảm hơn phí thuần.</p> <p>2. Phí bảo hiểm thuần là mức phí bảo hiểm nhằm bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với bên mua bảo hiểm, tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài xây dựng phí bảo hiểm thuần cho thời hạn bảo hiểm 01 năm của sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phí bảo hiểm thuần được xác định trên số liệu thống kê thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, bảo đảm tính quy mô và liên tục theo chuỗi thời gian tối thiểu trong 5 năm liên tiếp</p> <p>Trường hợp số liệu thống kê không bảo đảm tính quy mô và liên tục, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí bảo hiểm thuần do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố; - Số liệu thống kê công khai, chính thức do các tổ chức có thẩm quyền trong nước công bố để xác định phí bảo hiểm thuần; - Phí bảo hiểm thuần do công ty mẹ hoặc doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm cung cấp; trong trường hợp này doanh nghiệp, tổ chức tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo 	<p>bảo đảm tương ứng với điều kiện, trách nhiệm bảo hiểm; trường hợp điều khoản bổ sung mở rộng phạm vi bảo hiểm thì phải tăng phí bảo hiểm, trường hợp điều khoản thu hẹp phạm vi bảo hiểm thì phải giảm phí bảo hiểm nhưng trong mọi trường hợp không được giảm hơn phí thuần.</p> <p>2. Phí bảo hiểm thuần là mức phí bảo hiểm nhằm bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với bên mua bảo hiểm, tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài xây dựng phí bảo hiểm thuần cho thời hạn bảo hiểm 01 năm của sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phí bảo hiểm thuần được xác định trên số liệu thống kê thực tế triển khai của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, bảo đảm tính quy mô và liên tục theo chuỗi thời gian tối thiểu trong 5 năm liên tiếp</p> <p>Trường hợp số liệu thống kê không bảo đảm tính quy mô và liên tục, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thể sử dụng các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí bảo hiểm thuần do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố; - Số liệu thống kê công khai, chính thức do các tổ chức có thẩm quyền trong nước công bố để xác định phí bảo hiểm thuần; - Phí bảo hiểm thuần do công ty mẹ hoặc doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm cung cấp; trong trường hợp này doanh nghiệp, tổ chức tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo 	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và phải có kinh nghiệm khai thác tái bảo hiểm đối với loại rủi ro này tại thị trường Việt Nam hoặc Châu Á. Trường hợp có điều chỉnh phí bảo hiểm thuần của nhà tái bảo hiểm nước ngoài (tăng hoặc giảm), doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có giải trình lý do. Việc sử dụng phí bảo hiểm thuần do các doanh nghiệp, tổ chức tái bảo hiểm cung cấp phải bảo đảm phù hợp với các quyền lợi bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dự kiến cung cấp tại quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>b) Phí bảo hiểm thuần được xác định cụ thể cho từng rủi ro hoặc cho một số rủi ro sau đây: đâm, va (bao gồm cả va chạm vào vật thể khác); lật, đổ, chìm, rơi; bị các vật thể khác rơi vào; cháy, nổ; thiên tai; mất cắp; và các rủi ro khác (nếu có).</p> <p>3. Phí bảo hiểm thuần ngắn hạn (dưới 01 năm) hoặc dài hạn (trên 01 năm) được xác định trên cơ sở phí bảo hiểm thuần cho thời hạn bảo hiểm 01 năm và phải có giải trình về các giả định phân bổ rủi ro tương ứng với thời hạn bảo hiểm.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bảo đảm các giả định về chi phí và lợi nhuận tính vào phí bảo hiểm không vượt quá 50% phí bảo hiểm.</p> <p>5. Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và phải có kinh nghiệm khai thác tái bảo hiểm đối với loại rủi ro này tại thị trường Việt Nam hoặc Châu Á. Trường hợp có điều chỉnh phí bảo hiểm thuần của nhà tái bảo hiểm nước ngoài (tăng hoặc giảm), doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có giải trình lý do. Việc sử dụng phí bảo hiểm thuần do các doanh nghiệp, tổ chức tái bảo hiểm cung cấp phải bảo đảm phù hợp với các quyền lợi bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dự kiến cung cấp tại quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.</p> <p><u>Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm xác định phí bảo hiểm thuần đối với các rủi ro bảo hiểm dành cho Xe cơ giới thân thiện môi trường và Xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường theo quy định tại Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung nếu có: Doanh nghiệp bảo hiểm có thể sử dụng các nguồn số liệu thống kê do các tổ chức trong nước và quốc tế đăng tải công khai trên các trang thông tin điện tử chính thức của các tổ chức đó. Các tiêu chí lựa chọn nguồn dữ liệu triển khai của sản phẩm, quy trình đánh giá rủi ro và quy trình định bán và tính phí lại sản phẩm phải được nêu rõ tại quy trình nội bộ về phát triển và định phí sản phẩm. Quy trình này phải được Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) thông qua. Việc tuân thủ quy trình nội bộ về phát triển và định phí sản phẩm bảo hiểm phải được kiểm toán nội bộ xem xét định kỳ hàng năm.</u></p> <p>b) Phí bảo hiểm thuần được xác định cụ thể cho từng rủi</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p>ro hoặc cho một số rủi ro sau đây: đâm, va (bao gồm cả va chạm vào vật thể khác); lật, đổ, chìm, rơi; bị các vật thể khác rơi vào; cháy, nổ; thiên tai; mất cắp; và các rủi ro khác (nếu có).</p> <p><u>Khi thông báo áp dụng phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm hoặc thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm xe cơ giới, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không được thay đổi phí bảo hiểm thuần đã đăng ký ít nhất trong 12 tháng kế tiếp đối với cùng loại xe cơ giới, mục đích kinh doanh và sử dụng xe cơ giới, năm sản xuất của xe cơ giới và nhóm khách hàng.</u></p> <p>3. Phí bảo hiểm thuần ngắn hạn (dưới 01 năm) hoặc dài hạn (trên 01 năm) được xác định trên cơ sở phí bảo hiểm thuần cho thời hạn bảo hiểm 01 năm và phải có giải trình về các giả định phân bổ rủi ro tương ứng với thời hạn bảo hiểm.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bảo đảm các giả định về chi phí và lợi nhuận tính vào phí bảo hiểm không vượt quá 50% phí bảo hiểm.</p> <p>5. Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	
Mục 2. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ		
<p>Điều 40. Phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng bảo đảm cân đối đối với bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm nhân thọ</p> <p>1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: Mức trích lập hàng năm là 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng</p>	<p>Điều 40. Phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng bảo đảm cân đối đối với bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm nhân thọ</p> <p>1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: Mức trích lập hàng năm là 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng</p>	<p>Để đảm bảo phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 139/2020/QH15.</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>2. Đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Mức trích lập hàng năm là 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm sức khỏe: Mức trích lập hàng năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Thông tư này. Dự phòng này được sử dụng để trả tiền bồi thường khi có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro dẫn đến tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Số tiền tối đa được sử dụng được tính theo công thức sau:</p> $\left. \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{được} \\ \text{sử} \\ \text{dụng} \\ \text{trong} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} = \left. \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{bồi} \\ \text{thuộc} \\ \text{trách} \\ \text{nhiệm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{trong} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{phí} \\ \text{bảo} \\ \text{hiểm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{của} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Dự phòng} \\ \text{phí} \\ \text{chưa} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \\ \text{tương} \\ \text{ứng} \\ \text{với} \\ \text{trách} \\ \text{nhiệm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{phải} \\ \text{trích} \\ \text{lập} \\ \text{trong} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} + \left. \begin{array}{l} \text{Dự phòng} \\ \text{bồi} \\ \text{thường} \\ \text{tương} \\ \text{ứng} \\ \text{với} \\ \text{trách} \\ \text{nhiệm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{phải} \\ \text{lập} \\ \text{vào} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\}$	<p>này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>2. Đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Mức trích lập hàng năm là 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, <u>bảo hiểm tử kỳ</u>: Mức trích lập hàng năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Thông tư này. Dự phòng này được sử dụng để trả tiền bồi thường khi có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro dẫn đến tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Số tiền tối đa được sử dụng được tính theo công thức sau:</p> $\left. \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{được} \\ \text{sử} \\ \text{dụng} \\ \text{trong} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} = \left. \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{bồi} \\ \text{thuộc} \\ \text{trách} \\ \text{nhiệm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{trong} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{phí} \\ \text{bảo} \\ \text{hiểm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{của} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} - \left. \begin{array}{l} \text{Dự phòng} \\ \text{phí} \\ \text{chưa} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \\ \text{tương} \\ \text{ứng} \\ \text{với} \\ \text{trách} \\ \text{nhiệm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{phải} \\ \text{trích} \\ \text{lập} \\ \text{trong} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\} + \left. \begin{array}{l} \text{Dự phòng} \\ \text{bồi} \\ \text{thường} \\ \text{tương} \\ \text{ứng} \\ \text{với} \\ \text{trách} \\ \text{nhiệm} \\ \text{giữ} \\ \text{lại} \\ \text{phải} \\ \text{lập} \\ \text{vào} \\ \text{năm} \\ \text{TC} \\ \text{hiện tại} \end{array} \right\}$	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
Mục 4. THỜI ĐIỂM GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ		
	<p><u>Điều 41a. Chi hỗ trợ, thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã</u></p> <p><i>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chi hỗ trợ, thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó sau khi mang lại dịch vụ cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.</i></p> <p><i>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều này, điều kiện và đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng quy chế chi hỗ trợ, thù lao áp dụng thống nhất và công khai trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.</i></p> <p><i>3. Tỷ lệ chi hỗ trợ, thù lao tối đa được trả trên phí bảo hiểm thực tế thu được của từng hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã không vượt quá 5% tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa tương ứng với từng hợp đồng bảo hiểm thuộc từng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, sức khỏe quy định tại khoản 3 Điều 51 Thông tư này.</i></p>	<p>Để quy định chi tiết điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 97/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.</p>
Điều 42. Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí	Điều 42. Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí	Để đảm bảo phù hợp với Luật số

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tách riêng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo quy định tại Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm và đảm bảo các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan trực tiếp đến nguồn nào thì sẽ được ghi nhận riêng cho nguồn đó;</p> <p>b) Theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>c) Theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>d) Ghi nhận, theo dõi riêng tài sản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản đầu tư từ nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>đ) Doanh thu, chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động nào của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài được ghi nhận trực tiếp cho hoạt động đó. Các khoản doanh thu, chi phí chung phải được phân bổ theo nguyên tắc hợp lý, nhất quán;</p> <p>e) Chuyên gia tính toán có trách nhiệm bảo đảm các giao dịch liên quan đến nhiều nguồn, nghiệp vụ phải được tập hợp và phân bổ cho từng nguồn, nghiệp vụ dựa trên cơ sở công bằng và hợp lý, nhất quán. Cuối năm, chuyên gia tính toán xác định và điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ các giao dịch liên quan đến nhiều nguồn, nghiệp vụ bảo đảm đáp ứng quy định tại Thông tư này,</p>	<p>bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tách riêng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo quy định tại Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm và đảm bảo các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan trực tiếp đến nguồn nào thì sẽ được ghi nhận riêng cho nguồn đó;</p> <p>b) Theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>c) Theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>d) Ghi nhận, theo dõi riêng tài sản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản đầu tư từ nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>đ) Doanh thu, chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động nào của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài được ghi nhận trực tiếp cho hoạt động đó. Các khoản doanh thu, chi phí chung phải được phân bổ theo nguyên tắc hợp lý, nhất quán;</p> <p>e) Chuyên gia tính toán có trách nhiệm bảo đảm các giao dịch liên quan đến nhiều nguồn, nghiệp vụ phải được tập hợp và phân bổ cho từng nguồn, nghiệp vụ dựa trên cơ sở công bằng và hợp lý, nhất quán. Cuối năm, chuyên gia tính toán xác định và điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ các giao dịch liên quan đến nhiều nguồn, nghiệp vụ bảo đảm đáp ứng quy định tại Thông tư này,</p>	<p>139/2025/QH15</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>phù hợp với nguyên tắc đã đăng ký với Bộ Tài chính và thực tế triển khai hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật, chuyên gia tính toán và kế toán trưởng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm về việc xây dựng nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí theo quy định tại Thông tư này và thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Tài chính, thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, tính chính xác các số liệu của nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc cấp có thẩm quyền của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm phê duyệt nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí và có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện các nguyên tắc phân bổ này sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>3. Định kỳ hàng quý, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm báo cáo việc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.</p> <p>4. Hàng năm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện báo cáo việc tách và duy trì nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và có xác nhận của kiểm toán độc lập.</p> <p>5. Trường hợp doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không có thỏa thuận về việc thu phí và bồi thường bảo hiểm trực tiếp</p>	<p>phù hợp với nguyên tắc đã đăng ký với Bộ Tài chính và thực tế triển khai hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật, chuyên gia tính toán và kế toán trưởng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm về việc xây dựng nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí theo quy định tại Thông tư này và thực hiện thủ tục đăng ký <i>thông báo</i> với Bộ Tài chính, thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, tính chính xác các số liệu của nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc cấp có thẩm quyền của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm phê duyệt nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí và có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện các nguyên tắc phân bổ này sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>3. Định kỳ hàng quý, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm báo cáo việc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.</p> <p>4. Hàng năm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện báo cáo việc tách và duy trì nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và có xác nhận của kiểm toán độc lập.</p> <p>5. Trường hợp doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không có thỏa thuận về việc thu phí và bồi thường bảo hiểm trực tiếp với bên mua bảo hiểm thì doanh nghiệp tái bảo hiểm,</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>với bên mua bảo hiểm thì doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không phải thực hiện tách nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư này.</p>	<p>chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không phải thực hiện tách nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư này.</p>	
<p>Điều 43. Phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến nhiều nguồn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Việc xác định tài sản thuộc nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tài sản thuộc nguồn phí bảo hiểm bao gồm các tài sản hình thành từ nguồn dự phòng nghiệp vụ và các tài sản tương ứng với các khoản phải trả được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm (không bao gồm các khoản phải trả nội bộ giữa các quỹ);</p> <p>b) Tài sản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang, bất động sản đầu tư và tài sản khác được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu.</p> <p>2. Việc xác định nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn quỹ chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nguồn vốn thuộc nguồn phí bảo hiểm bao gồm:</p> <p>Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Các khoản nợ liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm hoặc được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>b) Nguồn vốn thuộc quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>Nguồn vốn chủ sở hữu;</p>	<p>Điều 43. Phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến nhiều nguồn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Việc xác định tài sản thuộc nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tài sản thuộc nguồn phí bảo hiểm bao gồm các tài sản hình thành từ nguồn dự phòng nghiệp vụ và các tài sản tương ứng với các khoản phải trả được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm (không bao gồm các khoản phải trả nội bộ giữa các quỹ);</p> <p>b) Tài sản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang, bất động sản đầu tư và tài sản khác được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu.</p> <p>2. Việc xác định nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn quỹ chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nguồn vốn thuộc nguồn phí bảo hiểm bao gồm:</p> <p>Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Các khoản nợ liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm hoặc được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>b) Nguồn vốn thuộc quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>Nguồn vốn chủ sở hữu;</p>	<p>Để đảm bảo phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>Các khoản nợ liên quan đến nguồn vốn chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>3. Doanh thu của nguồn phí bảo hiểm bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm hoặc được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>4. Doanh thu của nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của nguồn vốn chủ sở hữu;</p> <p>b) Thu phí về dịch vụ đại lý; Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến nguồn vốn chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>5. Chi phí của nguồn phí bảo hiểm:</p> <p>a) Chi bồi thường bảo hiểm sau khi trừ thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, chi trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi hoa hồng môi giới bảo hiểm, chi quản lý đại lý bảo hiểm; chi thường, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm;</p> <p>b) Chi giám định tổn thất, chi phí quản lý hợp đồng của công ty bảo hiểm đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm, chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất, chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm, chi xử lý hàng bồi thường 100%;</p>	<p>Các khoản nợ liên quan đến nguồn vốn chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>3. Doanh thu của nguồn phí bảo hiểm bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm hoặc được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>4. Doanh thu của nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của nguồn vốn chủ sở hữu;</p> <p>b) Thu phí về dịch vụ đại lý; Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến nguồn vốn chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>5. Chi phí của nguồn phí bảo hiểm:</p> <p>a) Chi bồi thường bảo hiểm sau khi trừ thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, chi trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi hoa hồng môi giới bảo hiểm, chi quản lý đại lý bảo hiểm; chi thường, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm; <u>chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý; chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý; chi tuyển dụng đại lý bảo hiểm; chi quản lý các đại lý bảo hiểm cá nhân; chi kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đại lý bảo hiểm.</u></p> <p><u>a1) Chi hỗ trợ, chi thù lao cho nhân viên hoặc thành</u></p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>d) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm hoặc chi phí phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>đ) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>e) Chi phí chung bao gồm chi quản lý doanh nghiệp và chi khác được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm theo nguyên tắc phân bổ đã đăng ký với Bộ Tài chính;</p> <p>g) Chi, trích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chi phí của nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Chi phí chung bao gồm chi quản lý doanh nghiệp và chi khác được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc phân bổ đã đăng ký với Bộ Tài chính;</p> <p>b) Chi phí về dịch vụ đại lý;</p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của nguồn vốn chủ sở hữu;</p> <p>d) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến nguồn vốn chủ sở hữu;</p> <p>đ) Chi phí cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>e) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến nguồn vốn chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>7. Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung:</p> <p>a) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu:</p> <p>Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu theo thống kê về thời gian phục vụ cho từng nguồn;</p>	<p><u>viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó để triển khai bảo hiểm vi mô</u></p> <p>b) Chi giám định tổn thất, chi phí quản lý hợp đồng của công ty bảo hiểm đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm, chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất, chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm, chi xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>d) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm hoặc chi phí phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>đ) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến nguồn phí bảo hiểm;</p> <p>e) Chi phí chung bao gồm chi quản lý doanh nghiệp và chi khác được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm theo nguyên tắc phân bổ đã đăng ký với Bộ Tài chính;</p> <p>g) Chi, trích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chi phí của nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Chi phí chung bao gồm chi quản lý doanh nghiệp và chi khác được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc phân bổ đã đăng ký với Bộ Tài chính;</p> <p>b) Chi phí về dịch vụ đại lý;</p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của nguồn vốn chủ sở hữu;</p> <p>d) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến nguồn vốn chủ sở hữu;</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng nguồn.</p> <p>b) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa các nghiệp vụ bảo hiểm trong nguồn phí bảo hiểm:</p> <p>Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ theo tỷ trọng tổng doanh thu phí của từng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Chi phí thẩm định phát hành hợp đồng được phân bổ theo doanh thu phí bảo hiểm; Chi phí giám định tổn thất được phân bổ theo số tiền bồi thường bảo hiểm gốc.</p> <p>c) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam sử dụng các tiêu thức phân bổ chi phí chung khác với tiêu thức quy định tại điểm a và b của khoản này thì phải đảm bảo công bằng giữa các nguồn và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh.</p>	<p>d) Chi phí cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>e) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến nguồn vốn chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>7. Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung:</p> <p>a) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu:</p> <p>Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ cho nguồn phí bảo hiểm và nguồn vốn chủ sở hữu theo thống kê về thời gian phục vụ cho từng nguồn;</p> <p>Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng nguồn.</p> <p>b) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa các nghiệp vụ bảo hiểm trong nguồn phí bảo hiểm:</p> <p>Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ theo tỷ trọng tổng doanh thu phí của từng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm;</p> <p>Chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Chi phí thẩm định phát hành hợp đồng được phân bổ theo doanh thu phí bảo hiểm; Chi phí giám định tổn thất được phân bổ theo số tiền bồi thường bảo hiểm gốc.</p> <p>c) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam sử dụng các tiêu thức phân bổ chi phí chung khác với tiêu thức quy định tại điểm a và b của khoản này thì phải đảm bảo công bằng giữa các nguồn và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh.</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>Điều 46. Phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến nhiều quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ</p> <p>1. Việc xác định tài sản thuộc quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tài sản thuộc quỹ chủ hợp đồng bao gồm các tài sản hình thành từ nguồn dự phòng nghiệp vụ và các tài sản tương ứng với các khoản phải trả được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng (không bao gồm các khoản phải trả nội bộ giữa các quỹ); đối với quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị, quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm hưu trí, tài sản thuộc các quỹ chủ hợp đồng này tối thiểu phải bao gồm các tài sản hình thành từ giá trị tài khoản của khách hàng và các tài sản tương ứng với các khoản phải trả được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm (không bao gồm các khoản phải trả nội bộ giữa các quỹ trừ các khoản phải trả nội bộ về phần đóng góp ban đầu của chủ sở hữu khi thành lập quỹ);</p> <p>b) Tài sản thuộc quỹ chủ sở hữu bao gồm các tài sản được hình thành từ quỹ chủ sở hữu, các khoản chi phí trả trước, và tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang, các khoản thặng dư thuộc về chủ sở hữu tại các quỹ chủ hợp đồng theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc xác định nguồn vốn quỹ chủ hợp đồng và nguồn vốn quỹ chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nguồn vốn thuộc quỹ chủ hợp đồng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, trừ dự phòng đảm bảo cân đối; - Các khoản nợ liên quan trực tiếp đến quỹ chủ hợp đồng hoặc được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng. 	<p>Điều 46. Phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến nhiều quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ</p> <p>1. Việc xác định tài sản thuộc quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tài sản thuộc quỹ chủ hợp đồng bao gồm các tài sản hình thành từ nguồn dự phòng nghiệp vụ và các tài sản tương ứng với các khoản phải trả được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng (không bao gồm các khoản phải trả nội bộ giữa các quỹ); đối với quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị, quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm hưu trí, tài sản thuộc các quỹ chủ hợp đồng này tối thiểu phải bao gồm các tài sản hình thành từ giá trị tài khoản của khách hàng và các tài sản tương ứng với các khoản phải trả được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm (không bao gồm các khoản phải trả nội bộ giữa các quỹ trừ các khoản phải trả nội bộ về phần đóng góp ban đầu của chủ sở hữu khi thành lập quỹ);</p> <p>b) Tài sản thuộc quỹ chủ sở hữu bao gồm các tài sản được hình thành từ quỹ chủ sở hữu, các khoản chi phí trả trước, và tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang, các khoản thặng dư thuộc về chủ sở hữu tại các quỹ chủ hợp đồng theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc xác định nguồn vốn quỹ chủ hợp đồng và nguồn vốn quỹ chủ sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nguồn vốn thuộc quỹ chủ hợp đồng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, trừ dự phòng đảm bảo cân đối; - Các khoản nợ liên quan trực tiếp đến quỹ chủ hợp đồng hoặc được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng. 	<p>Để đảm bảo phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>b) Nguồn vốn thuộc quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn chủ sở hữu; - Các khoản nợ liên quan đến quỹ chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng; - Dự phòng bảo đảm cân đối. <p>3. Doanh thu của quỹ chủ hợp đồng bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ hợp đồng hoặc được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>4. Doanh thu của quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ sở hữu;</p> <p>b) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>5. Chi phí của quỹ chủ hợp đồng:</p> <p>a) Chi trả tiền bảo hiểm, chi trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (trừ dự phòng đảm bảo cân đối), chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, hoa hồng môi giới bảo hiểm liên quan trực tiếp đến từng quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>b) Chi giám định tổn thất, chi quản lý đại lý bảo hiểm; chi thường, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm, chi đề phòng, hạn chế tổn thất,</p>	<p>b) Nguồn vốn thuộc quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn chủ sở hữu; - Các khoản nợ liên quan đến quỹ chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng; - Dự phòng bảo đảm cân đối. <p>3. Doanh thu của quỹ chủ hợp đồng bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ hợp đồng hoặc được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>4. Doanh thu của quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ sở hữu;</p> <p>b) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ sở hữu hoặc được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng.</p> <p>5. Chi phí của quỹ chủ hợp đồng:</p> <p>a) Chi trả tiền bảo hiểm, chi trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (trừ dự phòng đảm bảo cân đối), chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, hoa hồng môi giới bảo hiểm liên quan trực tiếp đến từng quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>b) Chi giám định tổn thất, chi quản lý đại lý bảo hiểm; chi thường, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm, chi đề phòng, hạn chế tổn thất, chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm; <i>chi đào tạo ban</i></p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm;</p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>d) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến từng quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>đ) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>e) Chi phí chung được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng theo nguyên tắc tách quỹ đã đăng ký với Bộ Tài chính;</p> <p>g) Chi, trích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chi phí của quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Chi phí hoạt động chung được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng, bao gồm chi phí tiền lương và khoản chi trả theo lương, chi quảng cáo, chi thuế, chi khấu hao tài sản cố định, chi thuê văn phòng, chi văn phòng phẩm và các khoản chi khác;</p> <p>b) Chi trích dự phòng đảm bảo cân đối;</p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ sở hữu;</p> <p>d) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến quỹ chủ sở hữu;</p> <p>đ) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ sở hữu hoặc các chi phí chung khác được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu theo nguyên tắc tách quỹ đã đăng ký với Bộ Tài chính.</p> <p>7. Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung:</p> <p>a) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu:</p> <p>- Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ cho quỹ chủ</p>	<p><u>đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý; chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý; chi tuyển dụng đại lý bảo hiểm; chi quản lý các đại lý bảo hiểm cá nhân; chi kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đại lý bảo hiểm.</u></p> <p><u>b) Chi hỗ trợ, chi thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó để triển khai bảo hiểm vi mô;</u></p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>d) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến từng quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>đ) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ hợp đồng;</p> <p>e) Chi phí chung được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng theo nguyên tắc tách quỹ đã đăng ký với Bộ Tài chính;</p> <p>g) Chi, trích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chi phí của quỹ chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Chi phí hoạt động chung được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu trên cơ sở tiêu thức phân bổ tương ứng, bao gồm chi phí tiền lương và khoản chi trả theo lương, chi quảng cáo, chi thuế, chi khấu hao tài sản cố định, chi thuê văn phòng, chi văn phòng phẩm và các khoản chi khác;</p> <p>b) Chi trích dự phòng đảm bảo cân đối;</p> <p>c) Chi phí cho hoạt động đầu tư tài sản của quỹ chủ sở hữu;</p> <p>d) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến quỹ chủ sở hữu;</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>hợp đồng và quỹ chủ sở hữu theo thống kê về thời gian phục vụ cho từng quỹ; hàng năm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá lại tỷ lệ phân bổ theo thời gian phục vụ cho từng quỹ trong năm tài chính hiện tại và quyết định tỷ lệ phân bổ chi phí áp dụng cho năm tài chính kế tiếp trên cơ sở đảm bảo công bằng giữa các quỹ và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng quỹ. <p>b) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa các quỹ chủ hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ giữa các quỹ chủ hợp đồng theo tỷ trọng tổng doanh thu phí của từng quỹ chủ hợp đồng; - Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng quỹ chủ hợp đồng; - Chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ trọng doanh thu phí khai thác mới của từng quỹ chủ hợp đồng; - Chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm: <p>Chi phí thẩm định phát hành hợp đồng được phân bổ theo doanh thu khai thác mới;</p> <p>Chi phí thẩm định trả tiền bảo hiểm được phân bổ theo số tiền chi trả bảo hiểm gốc.</p> <p>c) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ sử dụng các tiêu thức phân bổ chi phí chung khác với tiêu thức quy định tại điểm a và điểm b của khoản này thì phải đảm bảo công bằng giữa các quỹ và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.</p>	<p>đ) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến quỹ chủ sở hữu hoặc các chi phí chung khác được phân bổ cho quỹ chủ sở hữu theo nguyên tắc tách quỹ đã đăng ký với Bộ Tài chính.</p> <p>7. Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung:</p> <p>a) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ cho quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu theo thống kê về thời gian phục vụ cho từng quỹ; hàng năm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá lại tỷ lệ phân bổ theo thời gian phục vụ cho từng quỹ trong năm tài chính hiện tại và quyết định tỷ lệ phân bổ chi phí áp dụng cho năm tài chính kế tiếp trên cơ sở đảm bảo công bằng giữa các quỹ và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp; - Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng quỹ. <p>b) Tiêu thức phân bổ một số chi phí hoạt động chung giữa các quỹ chủ hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi quản lý doanh nghiệp: được phân bổ giữa các quỹ chủ hợp đồng theo tỷ trọng tổng doanh thu phí của từng quỹ chủ hợp đồng; - Chi phí hoạt động tài chính: được phân bổ theo tỷ trọng của tài sản đầu tư của từng quỹ chủ hợp đồng; - Chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ trọng doanh thu phí khai thác mới của từng quỹ chủ hợp đồng; - Chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm: <p>Chi phí thẩm định phát hành hợp đồng được phân bổ theo doanh thu khai thác mới;</p> <p>Chi phí thẩm định trả tiền bảo hiểm được phân bổ theo số tiền chi trả bảo hiểm gốc.</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	c) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ sử dụng các tiêu thức phân bổ chi phí chung khác với tiêu thức quy định tại điểm a và điểm b của khoản này thì phải đảm bảo công bằng giữa các quỹ và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.	

CHƯƠNG V – ĐẠI LÝ BẢO HIỂM VÀ MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Mục 1. ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Điều 51. Hoa hồng đại lý bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả hoa hồng đại lý bảo hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều này cho đại lý bảo hiểm sau khi đại lý bảo hiểm mang lại dịch vụ cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều này, điều kiện và đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng quy chế chi hoa hồng đại lý bảo hiểm áp dụng thống nhất và công khai trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

3. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa được trả trên phí bảo hiểm thực tế thu được của từng hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả cho đại lý bảo hiểm được thực hiện theo quy định sau (trừ các trường hợp quy định tại điểm 3.4 khoản này):

3.1. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm phi nhân thọ:

Điều 51. Hoa hồng đại lý bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả hoa hồng đại lý bảo hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều này cho đại lý bảo hiểm sau khi đại lý bảo hiểm mang lại dịch vụ cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều này, điều kiện và đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng quy chế chi hoa hồng đại lý bảo hiểm áp dụng thống nhất và công khai trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

3. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa được trả trên phí bảo hiểm thực tế thu được của từng hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả cho đại lý bảo hiểm được thực hiện theo quy định sau (trừ các trường hợp quy định tại điểm 3.4 khoản này):

3.1. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm phi nhân thọ:

Bổ sung, làm rõ quy định đối với hoa hồng tính trên phí đóng thêm và bảo đảm quy định rõ ràng, dễ hiểu.

Thông tư số 67/2023/TT-BTC			Dự thảo Thông tư			Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)	STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)	
1	Bảo hiểm tài sản	5	1	Bảo hiểm tài sản	5	
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	10	2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	10	
3	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với tàu biển	5	3	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với tàu biển	5	
4	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu (trừ tàu biển)	15	4	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu (trừ tàu biển)	15	
5	Bảo hiểm trách nhiệm	5	5	Bảo hiểm trách nhiệm	5	
6	Bảo hiểm hàng không	0,5	6	Bảo hiểm hàng không	0,5	
7	Bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới)	10	7	Bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới)	10	
8	Bảo hiểm cháy, nổ	10	8	Bảo hiểm cháy, nổ	10	
9	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	10	9	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	10	
10	Bảo hiểm thiệt hại khác	10	10	Bảo hiểm thiệt hại khác	10	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC			Dự thảo Thông tư			Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
11	Bảo hiểm nông nghiệp	20	11	Bảo hiểm nông nghiệp	20	
12	Bảo hiểm bảo lãnh	10	12	Bảo hiểm bảo lãnh	10	
Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với bảo hiểm bắt buộc:			Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với bảo hiểm bắt buộc:			
STT	Bảo hiểm bắt buộc	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)	STT	Bảo hiểm bắt buộc	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)	
1	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô	5	1	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô	5	
2	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy	20	2	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy	20	
3	Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	5	3	Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	5	
4	Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng	5	4	Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng	5	
5	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	5	5	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	5	
6	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba trong hoạt động đầu tư xây dựng	5	6	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba trong hoạt động đầu tư xây dựng	5	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC				Dự thảo Thông tư				Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ					
7	Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường			5	7	Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường			5				
<p>- Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm trọn gói được tính bằng tổng số hoa hồng đại lý bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm trọn gói.</p> <p>3.2. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm nhân thọ:</p> <p>a) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân:</p> <p>Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa được áp dụng đối với các nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định sau:</p> <p>- Đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành trước ngày 01/7/2024, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa theo bảng sau:</p>					<p>- Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm trọn gói được tính bằng tổng số hoa hồng đại lý bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm trọn gói.</p> <p>3.2. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm nhân thọ:</p> <p>a) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân:</p> <p>Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa được áp dụng đối với các nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định sau:</p> <p>- Đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành trước ngày 01/7/2024, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa theo bảng sau:</p>								
Nghiệp vụ bảo hiểm		Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)			Phương thức nộp phí định kỳ		Phương thức nộp phí 1 lần						
		Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo									
1. Bảo hiểm từ kỳ		40	20	15	15		15						
Nghiệp vụ bảo hiểm		Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)			Phương thức nộp phí định kỳ		Phương thức nộp phí 1 lần						
		Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo									
1. Bảo hiểm từ kỳ		40	20	15	15		15						

Thông tư số 67/2023/TT-BTC					Dự thảo Thông tư					Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
2. Bảo hiểm sinh kỳ - Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống - Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	15	10	5	5	2. Bảo hiểm sinh kỳ - Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống - Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	15	10	5	5	
	20	10	5	5		20	10	5	5	
3. Bảo hiểm hỗn hợp: - Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống - Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	25	7	5	5	3. Bảo hiểm hỗn hợp: - Thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống - Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	25	7	5	5	
	40	10	10	7		40	10	10	7	
4. Bảo hiểm trọn đời	30	20	15	10	4. Bảo hiểm trọn đời	30	20	15	10	
5. Bảo hiểm trả tiền định kỳ	25	10	7	7	5. Bảo hiểm trả tiền định kỳ	25	10	7	7	
6. Bảo hiểm liên kết chung Từ 10 năm trở xuống Trên 10 năm	25	7	5	5	6. Bảo hiểm liên kết chung Từ 10 năm trở xuống Trên 10 năm	25	7	5	5	
	40	10	10	7		40	10	10	7	
7. Bảo hiểm	40	10	10	7	7. Bảo hiểm liên	40	10	10	7	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC					Dự thảo Thông tư					Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
liên kết đơn vị					kết đơn vị					
<p>- Đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành kể từ ngày 01/7/2024, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa thực hiện như sau:</p> <p>+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống và 01 năm tái tục hàng năm: 20%</p> <p>+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm trên 01 năm:</p>					<p>- Đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành kể từ ngày 01/7/2024, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa thực hiện như sau:</p> <p>+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống và 01 năm tái tục hàng năm: 20%</p> <p>+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm trên 01 năm:</p>					
Nghệp vụ bảo hiểm	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)				Phương thức nộp phí 1 lần	Nghệp vụ bảo hiểm	Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa (%)			
	Phương thức nộp phí định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần			Phương thức nộp phí định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần
	Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo				Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo	
1. Bảo hiểm từ kỳ, Bảo hiểm trọn đời	40	20	15	15	1. Bảo hiểm từ kỳ, Bảo hiểm trọn đời	40	20	15	15	
2. Bảo hiểm sinh kỳ, Bảo hiểm trả tiền định kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp:	25 30	7 20	5 10	5 7	2. Bảo hiểm sinh kỳ, Bảo hiểm trả tiền định kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp:	25 30	7 20	5 10	5 7	
- Thời hạn bảo hiểm từ					- Thời hạn bảo hiểm từ 10					

Thông tư số 67/2023/TT-BTC					Dự thảo Thông tư					Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
10 năm trở xuống					năm trở xuống					
- Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm					- Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm					
3. Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm liên kết đơn vị	30	20	10	7	3. Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm liên kết đơn vị (<u>đối với phí cơ bản</u>)	30	20	10	7	
<p>b) Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm hưu trí: 3% tổng phí bảo hiểm;</p> <p>c) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nhóm: Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa bằng 50% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại.</p> <p>3.3. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm sức khỏe: 20%.</p> <p>3.4. Đối với các sản phẩm bảo hiểm có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng đó.</p> <p>4. Trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô cho các thành viên thông qua đại lý bảo hiểm vi mô, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa là 10% phí bảo hiểm thực tế thu được của từng hợp đồng bảo hiểm.</p>					<p><u>- Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị không được vượt quá tỷ lệ phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm.</u></p> <p>b) Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với <u>phí cơ bản của</u> hợp đồng bảo hiểm hưu trí: 3% tổng phí bảo hiểm;</p> <p><u>Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm hưu trí không được vượt quá tỷ lệ phí ban đầu đối với phần phí bảo hiểm đóng thêm.</u></p> <p>c) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nhóm: Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa bằng 50% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại <u>quy định tại điểm a khoản này.</u></p> <p>3.3. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm sức khỏe: 20%.</p> <p>3.4. Đối với các sản phẩm bảo hiểm có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng đó.</p> <p>4. Trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi</p>					

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	mô cho các thành viên thông qua đại lý bảo hiểm vi mô, tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa là 10% phí bảo hiểm thực tế thu được của từng hợp đồng bảo hiểm.	
<p>Điều 53. Cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua đại lý bảo hiểm</p> <p>1. Trong quá trình tư vấn sản phẩm bảo hiểm, đại lý bảo hiểm hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải cung cấp đầy đủ, chính xác cho bên mua bảo hiểm các thông tin về sản phẩm bảo hiểm, sử dụng các tài liệu do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp. Đại lý bảo hiểm hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm không được tự xây dựng tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng hoặc tự ý thay đổi nội dung của các tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp.</p> <p>2. Khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, đại lý bảo hiểm cá nhân hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Thu thập thông tin và hoàn thiện các tài liệu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Thông tư này;</p> <p>b) Thông tin cho bên mua bảo hiểm biết về công cụ tính toán giúp bên mua bảo hiểm có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm và quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm khách hàng dự kiến tham gia trên trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP; phân tích thông tin khách hàng bao gồm nhu cầu và khả năng tài chính của bên mua bảo hiểm; khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro của bên mua bảo hiểm từ đó tư vấn bên</p>	<p>Điều 53. Cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua đại lý bảo hiểm</p> <p>1. Trong quá trình tư vấn sản phẩm bảo hiểm, đại lý bảo hiểm hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải cung cấp đầy đủ, chính xác cho bên mua bảo hiểm các thông tin về sản phẩm bảo hiểm, sử dụng các tài liệu do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp. Đại lý bảo hiểm hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm không được tự xây dựng tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng hoặc tự ý thay đổi nội dung của các tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp.</p> <p>2. Khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, đại lý bảo hiểm cá nhân hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Thu thập thông tin và hoàn thiện các tài liệu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Thông tư này;</p> <p>b) Thông tin cho bên mua bảo hiểm biết về công cụ tính toán giúp bên mua bảo hiểm có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm và quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm khách hàng dự kiến tham gia trên trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP; phân tích thông tin khách hàng bao gồm nhu cầu và khả năng tài chính của bên mua bảo hiểm; khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro của bên mua bảo hiểm từ đó tư vấn bên</p>	<p>Đảm bảo chặt chẽ và rõ ràng, công bằng trong áp dụng và thực thi pháp luật.</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>mua bảo hiểm tham gia quỹ liên kết đơn vị phù hợp (đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị);</p> <p>c) Giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi của sản phẩm và các rủi ro đặc thù của sản phẩm, yêu cầu bên mua bảo hiểm xác nhận vào các tài liệu theo quy định tại Điều 30 Thông tư này;</p> <p>d) Không được so sánh hoặc đảm bảo chắc chắn kết quả đầu tư của một quỹ liên kết đơn vị này là tốt hơn so với quỹ liên kết đơn vị khác hoặc của doanh nghiệp bảo hiểm khác;</p> <p>đ) Thực hiện ghi âm một số nội dung liên quan tới việc tư vấn sản phẩm bảo hiểm tại thời điểm bên mua bảo hiểm ký Bản yêu cầu bảo hiểm. Nội dung ghi âm phải đảm bảo tối thiểu các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, số chứng chỉ đại lý bảo hiểm; - Tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại bên mua bảo hiểm; - Nội dung tư vấn của đại lý hoặc nhân viên trong tổ chức thực hiện hoạt động đại lý về quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư và các rủi ro đầu tư mà bên mua bảo hiểm có thể gặp phải khi tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, thông tin về các khoản phí mà doanh nghiệp bảo hiểm tính cho bên mua bảo hiểm và điều kiện để nhận các quyền lợi theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm; - Thông báo về các khoản phí bảo hiểm và thời hạn đóng phí bên mua bảo hiểm lựa chọn để xác nhận phù hợp với năng lực tài chính của bên mua bảo hiểm; - Thông báo cho bên mua bảo hiểm về thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm trong đó nêu rõ nghĩa vụ kê khai trung thực, những nội dung chính về quyền lợi thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và điều kiện nhận quyền lợi đó; 	<p>mua bảo hiểm tham gia quỹ liên kết đơn vị phù hợp (đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị);</p> <p>c) Giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi của sản phẩm và các rủi ro đặc thù của sản phẩm, yêu cầu bên mua bảo hiểm xác nhận vào các tài liệu theo quy định tại Điều 30 Thông tư này;</p> <p>d) Không được so sánh hoặc đảm bảo chắc chắn kết quả đầu tư của một quỹ liên kết đơn vị này là tốt hơn so với quỹ liên kết đơn vị khác hoặc của doanh nghiệp bảo hiểm khác;</p> <p>đ) Thực hiện ghi âm một số nội dung liên quan tới việc tư vấn sản phẩm bảo hiểm tại thời điểm bên mua bảo hiểm ký Bản yêu cầu bảo hiểm. Nội dung ghi âm phải đảm bảo tối thiểu các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, số chứng chỉ đại lý bảo hiểm; - Tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại bên mua bảo hiểm; - Nội dung tư vấn của đại lý hoặc nhân viên trong tổ chức thực hiện hoạt động đại lý về quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư và các rủi ro đầu tư mà bên mua bảo hiểm có thể gặp phải khi tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, thông tin về các khoản phí mà doanh nghiệp bảo hiểm tính cho bên mua bảo hiểm và điều kiện để nhận các quyền lợi theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm; - Thông báo về các khoản phí bảo hiểm và thời hạn đóng phí bên mua bảo hiểm lựa chọn để xác nhận phù hợp với năng lực tài chính của bên mua bảo hiểm; - Thông báo cho bên mua bảo hiểm về thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm trong đó nêu rõ nghĩa vụ kê khai trung thực, những nội dung chính về quyền lợi thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và điều kiện nhận quyền lợi đó; 	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>- Xác nhận của bên mua bảo hiểm việc tham gia bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với nhu cầu tài chính, nhu cầu bảo hiểm của bên mua bảo hiểm.</p> <p>Trường hợp có các thông tin liên quan khác và các thông tin này liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân thì việc ghi âm phải được bên mua bảo hiểm đồng ý về việc ghi âm nội dung thông tin đó.</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo tuân thủ quy định này chậm nhất sau 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Giải thích cho bên mua bảo hiểm các sản phẩm bảo hiểm được phân phối thông qua tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là sản phẩm bảo hiểm. Việc tham gia sản phẩm bảo hiểm không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ khác của tổ chức hoạt động đại lý;</p> <p>b) Có trách nhiệm đối chiếu dữ liệu về hợp đồng bảo hiểm khai thác mới, doanh thu phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực do tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm thực hiện với doanh nghiệp bảo hiểm định kỳ hàng tháng;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm không được tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư cho các khách hàng trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày giải ngân toàn bộ khoản vay.</p> <p>4. Đối với việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua tổ chức hoạt động đại lý, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài</p>	<p>- Xác nhận của bên mua bảo hiểm việc tham gia bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với nhu cầu tài chính, nhu cầu bảo hiểm của bên mua bảo hiểm.</p> <p>Trường hợp có các thông tin liên quan khác và các thông tin này liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân thì việc ghi âm phải được bên mua bảo hiểm đồng ý về việc ghi âm nội dung thông tin đó.</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo tuân thủ quy định này chậm nhất sau 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Giải thích cho bên mua bảo hiểm các sản phẩm bảo hiểm được phân phối thông qua tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là sản phẩm bảo hiểm. Việc tham gia sản phẩm bảo hiểm không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ khác của tổ chức hoạt động đại lý;</p> <p>b) Có trách nhiệm đối chiếu dữ liệu về hợp đồng bảo hiểm khai thác mới, doanh thu phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực do tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm thực hiện với doanh nghiệp bảo hiểm định kỳ hàng tháng;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm không được tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư cho các khách hàng trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày giải ngân toàn bộ khoản vay.</p> <p>4. Đối với việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua tổ chức hoạt động đại lý, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>phải thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Thực hiện việc giám sát và kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động giới thiệu, tư vấn sản phẩm bảo hiểm của các nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý; kịp thời phối hợp với tổ chức hoạt động đại lý để kiểm tra, rà soát, xử lý các khiếu nại của bên mua bảo hiểm liên quan đến việc tư vấn của nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý và xử lý vi phạm (nếu có);</p> <p>b) Không được ký thêm hợp đồng đại lý cá nhân với nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm để khai thác cùng một hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đã ký hợp đồng đại lý cá nhân với nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm nhằm thực hiện hoạt động đại lý trên cùng một hợp đồng bảo hiểm trước ngày Thông tư này có hiệu lực phải thực hiện rà soát và đảm bảo tuân thủ quy định này trước ngày 01/7/2024.</p> <p>5. Đối với việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Kiểm tra độc lập nội dung tư vấn sản phẩm bảo hiểm của đại lý. Đối với trường hợp cung cấp qua tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm, việc kiểm tra được thực hiện trước khi quyết định phát hành hợp đồng. Nội dung kiểm tra phải nhằm đánh giá việc bên mua bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm là trên cơ sở tự nguyện và các sản phẩm bảo hiểm được tư vấn phù hợp với nhu cầu tài chính của bên mua bảo hiểm;</p> <p>b) Không được phát hành hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp nội dung ghi âm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này không có xác nhận của bên mua bảo hiểm về việc tham gia bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với năng lực tài chính, nhu cầu bảo hiểm của</p>	<p>thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Thực hiện việc giám sát và kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động giới thiệu, tư vấn sản phẩm bảo hiểm <u>của đại lý bảo hiểm</u>, các nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý; <u>trường hợp phát hiện đại lý bảo hiểm vi phạm quy định, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải có biện pháp xử lý đối với các đại lý bảo hiểm vi phạm</u>; kịp thời phối hợp với tổ chức hoạt động đại lý để kiểm tra, rà soát, xử lý các khiếu nại của bên mua bảo hiểm liên quan đến việc tư vấn của <u>đại lý bảo hiểm</u>, nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm và xử lý vi phạm (nếu có);</p> <p>b) Không được ký thêm hợp đồng đại lý cá nhân với nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm để khai thác cùng một hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đã ký hợp đồng đại lý cá nhân với nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm nhằm thực hiện hoạt động đại lý trên cùng một hợp đồng bảo hiểm trước ngày Thông tư này có hiệu lực phải thực hiện rà soát và đảm bảo tuân thủ quy định này trước ngày 01/7/2024.</p> <p>5. Đối với việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Kiểm tra độc lập nội dung tư vấn sản phẩm bảo hiểm của đại lý. Đối với trường hợp cung cấp qua tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm, việc kiểm tra được thực hiện trước khi quyết định phát hành hợp đồng. Nội dung kiểm tra phải nhằm đánh giá việc bên mua bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm là trên cơ sở tự nguyện và các sản phẩm bảo hiểm được tư vấn phù hợp với nhu cầu tài chính của bên mua bảo hiểm;</p> <p>b) Không được phát hành hợp đồng bảo hiểm trong</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>bên mua bảo hiểm;</p> <p>c) Lưu trữ và bảo mật các tài liệu, dữ liệu ghi âm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích đánh giá chất lượng hoạt động đại lý bảo hiểm, giải quyết các phản ánh, khiếu nại liên quan tới hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động phòng chống gian lận trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.</p> <p>6. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ký nhiều hợp đồng đại lý nhằm khai thác cùng một hợp đồng bảo hiểm thì cần quy định rõ nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm được ủy quyền tại từng hợp đồng đại lý để làm cơ sở thanh toán hoa hồng, thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý. Trong mọi trường hợp, tổng mức hoa hồng thanh toán không vượt quá mức hoa hồng tối đa theo quy định tại Điều 51 Thông tư này.</p>	<p>trường hợp nội dung ghi âm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này không có xác nhận của bên mua bảo hiểm về việc tham gia bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với năng lực tài chính, nhu cầu bảo hiểm của bên mua bảo hiểm;</p> <p>c) Lưu trữ và bảo mật các tài liệu, dữ liệu ghi âm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích đánh giá chất lượng hoạt động đại lý bảo hiểm, giải quyết các phản ánh, khiếu nại liên quan tới hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động phòng chống gian lận trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.</p> <p>6. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ký nhiều hợp đồng đại lý nhằm khai thác cùng một hợp đồng bảo hiểm thì cần quy định rõ nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm được ủy quyền tại từng hợp đồng đại lý để làm cơ sở thanh toán hoa hồng, thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý. Trong mọi trường hợp, tổng mức hoa hồng thanh toán không vượt quá mức hoa hồng tối đa theo quy định tại Điều 51 Thông tư này.</p>	
<p>Điều 61. Thông báo thay đổi và công bố thông tin của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải công bố trên 01 tờ báo in trong 03 số báo liên tiếp hoặc trên báo điện tử của Việt Nam về những nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gọi, quốc tịch, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước</p>	<p>Điều 61. Thông báo thay đổi và công bố thông tin của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải công bố trên 01 tờ báo in trong 03 số báo liên tiếp hoặc trên báo điện tử của Việt Nam về những nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gọi, quốc tịch, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước</p>	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>b) Tên, địa điểm đặt văn phòng đại diện;</p> <p>c) Nội dung, thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thay đổi, doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (đối với trường hợp thay đổi Trường văn phòng đại diện) hoặc văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam và người làm việc tại văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam) phải thông báo cho Bộ Tài chính. Hồ sơ thông báo bao gồm:</p> <p>a) Văn bản thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII Thông tư này;</p> <p>b) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi Trường văn phòng đại diện và người làm việc tại văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>c) Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc bằng chứng chứng minh quyền sử dụng địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam có xác nhận của văn phòng đại diện đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>b) Tên, địa điểm đặt văn phòng đại diện;</p> <p>c) Nội dung, thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thay đổi, doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (đối với trường hợp thay đổi Trường văn phòng đại diện) hoặc văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam và người làm việc tại văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam) phải thông báo cho Bộ Tài chính. Hồ sơ thông báo bao gồm:</p> <p>a) Văn bản thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII Thông tư này;</p> <p>b) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân <u>thẻ căn cước</u> hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi Trường văn phòng đại diện và người làm việc tại văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>c) Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc bằng chứng chứng minh quyền sử dụng địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam có xác nhận của văn phòng đại diện đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.</p>	
CHƯƠNG VII – TỔ CHỨC THỰC HIỆN		
<p>Điều 62. Hiệu lực của Thông tư</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trừ</p>	<p>Điều 62. Hiệu lực của Thông tư</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trừ</p>	<p>Để đảm bảo phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Luật sửa đổi, bổ</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>trường hợp quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.</p> <p>2. Các điểm a, b, c, d, đ, i khoản 1, các điểm b, d khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 20, các điểm a, b khoản 1 Điều 29, các điều 33, 34, 45, 46, 47, 48, 51, khoản 1 Điều 52, Điều 55, Mục 3 và Mục 4 Chương IV của Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.</p> <p>3. Khoản 2, khoản 3 điều 29 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm liên kết chung phải có các thông tin tối thiểu theo Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 52/2016/TT-BTC; tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải có thông tin tối thiểu theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC; tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải có các thông tin tối thiểu theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 115/2013/TT-BTC.</p> <p>4. Thông tư này thay thế các thông tư sau đây:</p> <p>a) Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trừ Điều 20 và Chương VI. Điều 20 và Chương VI Thông tư số 50/2017/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027;</p> <p>b) Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật</p>	<p>trường hợp quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.</p> <p>2. Các điểm a, b, c, d, đ, i khoản 1, các điểm b, d khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 20, các điểm a, b khoản 1 Điều 29, các điều 33, 34, 45, 46, 47, 48, 51, khoản 1 Điều 52, Điều 55, Mục 3 và Mục 4 Chương IV của Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.</p> <p>3. Khoản 2, khoản 3 điều 29 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm liên kết chung phải có các thông tin tối thiểu theo Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 52/2016/TT-BTC; tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải có thông tin tối thiểu theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC; tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải có các thông tin tối thiểu theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 115/2013/TT-BTC.</p> <p>4. Thông tư này thay thế các thông tư sau đây:</p> <p>a) Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trừ Điều 20 và Chương VI. Điều 20 và Chương VI Thông tư số 50/2017/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 202730;</p> <p>b) Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật</p>	<p>sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 139/2025/QH15.</p>

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>Kinh doanh bảo hiểm, trừ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2019/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027;</p> <p>c) Điều 1 Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm, Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số</p>	<p>Kinh doanh bảo hiểm, trừ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2019/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 202730;</p> <p>c) Điều 1 Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm, Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>chính sách phát triển thủy sản;</p> <p>d) Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;</p> <p>đ) Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị trừ Phụ lục II. Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024;</p> <p>e) Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện trừ Phụ lục IV. Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 115/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024;</p> <p>g) Thông tư số 130/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện;</p> <p>h) Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trừ Phụ lục I. Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 52/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.</p>	<p>chính sách phát triển thủy sản;</p> <p>d) Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;</p> <p>đ) Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị trừ Phụ lục II. Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024;</p> <p>e) Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện trừ Phụ lục IV. Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 115/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024;</p> <p>g) Thông tư số 130/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện;</p> <p>h) Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trừ Phụ lục I. Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 52/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.</p>	

Thông tư số 67/2023/TT-BTC	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
<p>5. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.</p>	<p>5. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.</p>	